**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI KÌ II – NGỮ VĂN 12**

**NĂM HỌC 2021-2022**

**(THAM KHẢO)**

**PHẦN A: GIỚI HẠN KIẾN THỨC VÀ MỘT SỐ KĨ NĂNG**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):**

a. Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX

(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) ( đã ôn ở giữa kì II)

b. Kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX

(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

c. Văn bản nghị luận hiện đại

(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

**II. VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (2,0 điểm):** (khoảng 150 chữ)

a. Nghị luận về tư tưởng, đạo lí

b. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

**III. VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (5,0 điểm):**

a. Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:

- *Vợ chồng A Phủ* (trích) của Tô Hoài

- *Vợ nhặt* của Kim Lân

- *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành

- *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi

- *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu

- *Số phận con người* (trích) của M.Sô-lô-khốp

b. Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích kịch: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) của Lưu Quang Vũ.

**PHẦN B: NỘI DUNG ÔN TẬP**

1. Hình thức làm bài: tự luận 100%

2. Thời gian làm bài: 90 phút

**I. ĐỌC HIỂU: (3,0 điểm)**

*1. Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa):*

**a. Nhận biết:**

- Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu.

- Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,...của văn bản/đoạn trích.

**b. Thông hiểu:**

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,…

- Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

**c. Vận dụng:**

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài.

- Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.

- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

*2. Kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa):*

**a. Nhận biết:**

- Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích.

**b. Thông hiểu:**

- Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật quan của văn bản/đoạn trích: tư tưởng tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch,...

- Hiểu được số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

**c. Vận dụng:**

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.

- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

*3. Văn bản nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa):*

**a. Nhận biết:**

**-** Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.

- Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...

**b. Thông hiểu:**

- Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích.

- Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.

- Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại.

**c. Vận dụng:**

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.

- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

**II. VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (2,0 điểm):** độ dài khoảng 150 chữvà có thể rơi vào một trong hai dạng đề sau:

**1. Nghị luận tư tưởng đạo lí với 4 yêu cầu mức độ:**

**a. Nhận biết:**

- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.

- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

**b. Thông hiểu:**

- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.

**c. Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.

**d. Vận dụng cao:**

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

**2. Nghị luận hiện tượng đời sống với 4 yêu cầu mức độ:**

**a. Nhận biết:**

- Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.

- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

**b. Thông hiểu:**

- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.

**c. Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.

**d. Vận dụng cao:**

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

**III. VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (5,0 điểm):**

**1. Kiểu bài:** Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

**a. Nhận biết:**

- Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,...

**b. Thông hiểu:**

- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ.

- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

**c. Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam.

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

**d. Vận dụng cao:**

- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

**2. Kiểu bài:** Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích kịch: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) của Lưu Quang Vũ.

**a. Nhận biết:**

- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nhận diện nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong đoạn trích.

**b. Thông hiểu:**

- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng; đặc sắc trong ngôn ngữ đối thoại, xung đột, ngôn ngữ,...

- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của kịch hiện đại Việt Nam, được thể hiện trong đoạn trích.

**c. Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để thể hiện cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của kịch hiện đại.

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

**d. Vận dụng cao:**

- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

**3. Kiểu bài:** Nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn nghị luận: *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* của Trần Đình Hượu.

**a. Nhận biết:**

- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

- Xác định nội dung chính của văn bản/đoạn trích.

**b. Thông hiểu:**

- Diễn giải được quan điểm của tác giả về những nét đặc trưng của văn hóa dân tộc – cơ sở để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

**c. Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của của đoạn trích/văn bản nghị luận.

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

**d. Vận dụng cao:**

- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

**PHẦN C. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA MỘT SỐ TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH**

***Lưu ý: Bài “ Vợ chồng A Phủ”, Bài “Vợ nhặt”, Bài “Chiếc thuyền ngoài xa” học sinh ôn tập trong đề cương giữa kì II)***

**BÀI 1: VỢ CHỒNG A PHỦ - TÔ HOÀI**

**1. Tác giả - Xuất xứ - Hoàn cảnh ra đời: xem lại SGK**

**2. Tóm tắt truyện.**

Tác phẩm kể về cuộc đời của đôi trai gái người Mèo là Mị và A Phủ. Mị là một cô gái trẻ, đẹp. Cô bị bắt làm vợ A Sử - con trai thống lý Pá Tra để trừ một món nợ truyền kiếp của gia đình. Lúc đầu, suốt mấy tháng ròng, đêm nào Mị cũng khóc, Mị định ăn lá ngón tự tử nhưng vì thương cha nên Mị không thể chết. Mị đành sống tiếp những ngày tủi cực trong nhà thống lí. Mị làm việc quần quật khổ hơn trâu ngựa và lúc nào cũng “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”. Mùa xuân đến, khi nghe tiếng sáo gọi bạn tình thiết tha Mị nhớ lại mình còn trẻ, Mị muốn đi chơi nhưng A Sử bắt gặp và trói đứng Mị trong buồng tối.

A Phủ là một chàng trai nghèo mồ côi, khoẻ mạnh, lao động giỏi. Vì đánh lại A Sử nên bị bắt, bị đánh đập, phạt vạ rồi trở thành đầy tớ không công cho nhà thống lí. Một lần, do để hổ vồ mất một con bò khi đi chăn bò ngoài bìa rừng nên A Phủ đã bị thống lí trói đứng ở góc nhà. Lúc đầu, nhìn cảnh tượng ấy, Mị thản nhiên nhưng rồi lòng thương người cùng sự đồng cảm trỗi dậy, Mị cắt dây cởi trói cho A Phủ rồi theo A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài…

**3. Nhân vật Mị**

**3.1. Hình ảnh Mị trong đoạn văn mở đầu truyện**

- Một cô gái âm thầm, lẻ loi, sống như gắn vào những vật vô tri, vô giác: “Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa”.

- Một cô con dâu nhà thống lý quyền thế, giàu sang “nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện” nhất làng nhưng lúc nào cũng “cúi mặt”, “buồn rười rượi”.

🡺 Hình ảnh của Mị hoàn toàn tương phản với cái gia đình mà Mị đang ở. Sự tương phản ấy báo hiệu một cuộc đời không bằng phẳng, một số phận nhiều ẩn ức và một bi kịch của cõi nhân thế nơi miền núi cao Tây Bắc.

**3.2. Cuộc đời, số phận, tính cách của nhân vật Mị**

***a. Trước hết, Mị là cô gái có ngoại hình đẹp và nhiều phẩm chất tốt, đáng lẽ có thể sống một cuộc sống hạnh phúc:***

- Một cô gái trẻ đẹp và có tài thổi sáo.

- Một cô gái chăm làm, sẵn sàng lao động, không quản ngại khó khăn.

- Một cô gái yêu đời, yêu cuộc sống tự do, không ham giàu sang phú quý.

- Một người con hiếu thảo.

🡺 Có thể khẳng định, Mị là một hình tượng đẹp về người thiếu nữ Tây Bắc. Ở Mị, toát lên cái đẹp vừa tự nhiên, giản dị vừa phóng khoáng, thẳm sâu như thiên nhiên núi rừng miền Tây Tổ quốc. Tuy nhiên, trái với những gì Mị đáng được hưởng, bi kịch đã đến với Mị một cách phũ phàng bởi cường quyền bạo lực và thần quyền hủ tục.

***b. Cô Mị với kiếp “con dâu gạt nợ” ở nhà thống lý Pá Tra:*** *- “Con dâu gạt nợ”*:

Bề ngoài là con dâu vì Mị là vợ A Sử, nhưng bên trong Mị chỉ là một thứ gán nợ, bắt nợ để bù đắp cho khoản tiền mà bố mẹ Mị đã vay của nhà thống lý Pá Tra nhưng chưa trả được. Điều đau đớn trong thân phận của Mị là ở chỗ: nếu chỉ là con nợ thay cho bố mẹ thì Mị hoàn toàn có thể hi vọng vào một ngày nào đó sẽ được giải thoát sau khi món nợ đã được thanh toán (bằng tiền, bằng vật chất hoặc công lao động). Nhưng Mị lại là con dâu, bị cướp về và “cúng trình ma” ở nhà thống lý. Linh hồn Mị đã bị con “ma” ấy “cai quản”. Đến hết đời, dù món nợ đã được trả, Mị cũng sẽ không bao giờ được giải thoát, được trở về với cuộc sống tự do. Đây chính là bi kịch trong cuộc đời Mị.

- *Đời “con dâu gạt nợ” của Mị ở nhà thống lý là một quãng đời thê thảm, tủi cực, sống mà như đã chết. Ở đó:*

+ Mị dường như đã bị tê liệt cả lòng yêu đời, yêu sống lẫn tinh thần phản kháng.

+ Mị chỉ là một công cụ lao động.

+ Thân phận của Mị không bằng con trâu, con ngựa trong nhà.

+ Mị âm thầm như một cái bóng.

+ Mị như một tù nhân của chốn địa ngục trần gian, đã mất tri giác về cuộc sống.

🡺 Nhà văn không chỉ gián tiếp tố cáo sự áp bức bóc lột của bọn địa chủ phong kiến miền núi mà còn nói lên một sự thật thật đau xót: dưới ách thống trị của cường quyền bạo lực và thần quyền hủ tục, người dân lao động miền núi Tây Bắc bị chà đạp một cách tàn nhẫn về tinh thần đến mức tê liệt cảm giác về sự sống, mất dần ý niệm về cuộc đời, từ những con người có lòng ham sống mãnh liệt trở thành những người sống mà như đã chết, tẻ nhạt và vô thức như những đồ vật trong nhà. Một sự hủy diệt ý thức sống của con người thật đáng sợ!

***c. Sức sống tiềm tàng mãnh liệt (đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài)***

***- Những tác động của ngoại cảnh:***

+ Trước hết là khung cảnh mùa xuân.

+ Tiếp đó là “tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi” – tiếng sáo gọi bạn tình “vọng” vào tâm hồn Mị “thiết tha bổi hổi”.

+ Bữa cơm Tết cúng ma đón năm mới rộn rã “chiêng đánh ầm ĩ” và bữa rượu tiếp ngay bữa cơm bên bếp lửa.

🡺 Những biểu hiện của ngoại cảnh ấy không thể không tác động đến Mị, nhất là tiếng sáo. Bởi vì ngày trước Mị thổi sáo giỏi, bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị. Tiếng sáo gọi bạn tình, “tiếng sáo rủ bạn đi chơi” chính là tiếng ca của hạnh phúc, là biểu tượng của tình yêu đôi lứa. Nó đã xuyên qua hàng rào lạnh giá bên ngoài để “vọng” vào miền sâu thẳm trong tâm hồn Mị, đánh thức cái sức sống vẫn được bảo lưu đâu đó trong cõi lòng người thiếu nữ Tây Bắc này.

- ***Diễn biến tâm lý, hành động***

+ Đầu tiên, Mị “ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi”.

+ Trong không khí của một đêm tình mùa xuân, trong cái nồng nàn của bữa rượu ngày Tết, “Mị cũng uống rượu”.

+ Mị “thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước”. Mị cảm thấy mình “trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi.

+ Mị cảm thấy rõ hơn bao giờ hết cái vô nghĩa lý của cuộc sống thực tại: “Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa”.

+ “Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo”. Tiếng sáo như hối thúc Mị “quấn lại tóc”, “với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách” để “đi chơi”. Những biến động mạnh mẽ trong tâm hồn đã chuyển hóa thành hành động thực tế và hành động này dẫn đến những hành động tiếp theo không thể ngăn được.

🡺 Rõ ràng, cái khát vọng sống, niềm khát khao hạnh phúc vẫn được bảo lưu ở đâu đó trong sâu thẳm tâm hồn nhân vật Mị. Nó giống như hòn than vẫn đang âm ỉ cháy dưới lớp tro tàn nguội lạnh và chỉ cần một trận gió thổi tới là nó có thể bùng cháy một cách mãnh liệt. Những tác động của ngoại cảnh là không nhỏ nhưng cái sức mạnh tiềm ẩn, không thể nào dập tắt của con người mới là điều mấu chốt quyết định sức sống của Mị, của mỗi cá nhân.

***d. Sức phản kháng táo bạo (hành động cởi dây trói cho A Phủ)***

Dù bị dập vùi một cách tàn nhẫn nhưng không vì thế mà lòng ham sống và khát khao hạnh phúc trong Mị bị triệt tiêu. Trái lại, trong những hoàn cảnh đặc biệt nó còn bừng dậy một cách mạnh mẽ và chuyển hóa thành sức phản kháng táo bạo. Có thể thấy rõ điều đó qua diễn biến tâm lí và hành động của Mị trong đêm cô cứu A Phủ rồi cùng anh bỏ trốn khỏi Hồng Ngài:

+ Ban đầu, trước cảnh tượng A Phủ bị trói, Mị hoàn toàn dửng dưng.

+ Nhưng sau đó, khi chứng kiến dòng nước mắt chảy xuống gò má đã xạm đen lại của A Phủ, Mị đã đồng cảm, thương mình và thương người.

+ Thương mình, thương người, Mị càng nhận rõ tội ác của cha con thống lí.

+ Dù trong lòng vẫn có những sợ hãi nhưng Mị đã cứu A Phủ rồi cùng A Phủ bỏ trốn khỏi Hồng Ngài.

🡺 Đây là hệ quả tất yếu sau những gì đã diễn ra ở Mị. Từ đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài đến đêm cứu A Phủ là một hành trình tìm lại chính mình và tự giải thoát khỏi những “gông xiềng” của cả cường quyền bạo lực và thần quyền lạc hậu. Đó cũng là sự khẳng định ý nghĩa của cuộc sống và khát vọng tự do cháy bỏng của người dân lao động Tây Bắc.

**4. Nhân vật A Phủ**

***4.1. Một số phận éo le***

- Sớm mồ côi cha mẹ (cha mẹ chết trong một trận dịch đậu mùa).

- Nghèo, không lấy nổi vợ vì phép làng và tục lệ cưới xin ngặt nghèo.

***4.2. Một cá tính mạnh mẽ, một hình ảnh đẹp về người lao động miền núi Tây Bắc***

- Có ý chí và nghị lực sống, A Phủ đã vượt qua mọi cơ cực để trở thành chàng trai Mông khỏe mạnh, tháo vát, trở thành niềm mơ ước của nhiều cô gái trong bản.

- Gan góc từ bé, ham lao động, A Phủ không quản ngại những công việc nặng nhọc, khó khăn, nguy hiểm.

- Không sợ cường quyền, sẵn sàng trừng trị kẻ xấu.

- Ham sống, yêu tự do, có sức sống tiềm tàng mãnh liệt.

***4.3. Một nạn nhân của giai cấp thống trị phong kiến miền núi tàn bạo***

- Chỉ vì đánh con quan mà bị phạt rất nặng, bị làng “bắt vạ”, trở thành một kiểu “nô lệ” trong nhà thống lí Pá Tra.

- Chỉ vì lỡ để hổ bắt mất một con bò mà bị cha con thống lí bắt trói, hành hạ dã man, có thể phải trả giá bằng cả tính mạng.

🡺 Nhân vật A Phủ vừa là bằng chứng sống về tội ác của giai cấp thống trị miền núi Tây Bắc vừa là một hình ảnh đẹp, tiêu biểu của người dân lao động ở một vùng núi cao nước ta.

**5. Giá trị hiện thực, nhân đạo của tác phẩm**

***5.1. Giá trị hiện thực***

- Truyện miêu tả chân thực số phận nô lệ cực khổ của người dân lao động nghèo Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn cường quyền phong kiến miền núi (dẫn chứng Mị, A Phủ).

- Truyện phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp phong kiến thống trị ở miền núi (dẫn chứng cha con thống lí Pá Tra)

- Truyện đã tái hiện một cách sống động vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi Tây Bắc (cảnh mùa xuân, cảnh xử kiện A Phủ)

***5.1. Giá trị nhân đạo.***

- Truyện thể hiện lòng yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau khổ của người lao động nghèo miền núi (dẫn chứng nhân vật Mị, A Phủ)

- Phê phán quyết liệt những thế lực chà đạp con người (cường quyền và thần quyền).

- Truyện khẳng định niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khát vọng hạnh phúc cháy bỏng của con người. Dù trong hoàn cảnh khắc nghiệt đến mức nào, con người cũng không mất đi khát vọng sống tự do và hạnh phúc (Dẫn chứng nhân vật Mị- trong đêm tình mùa xuân, cởi trói A Phủ)

- Thông qua câu chuyện, nhà văn đã chỉ ra cho người dân miền núi Tây Bắc nói riêng, những số phận khổ đau nói chung con đường tự giải thoát khỏi những bất công, con đường làm chủ vận mệnh của mình (dẫn chứng hành động cởi trói cho A Phủ, cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài).

**6. Đặc sắc nghệ thuật:**

***a. Nghệ thuật kể chuyện***

- Cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng. Cách dẫn dắt tình tiết khéo làm cho mạch truyện phát triển và vận động liên tục, biến đổi hấp dẫn mà không rối, không trùng lặp.

- Ngôn ngữ kể chuyện sinh động, chọn lọc và sáng tạo, lối văn giàu tính tạo hình thấm đẫm chất thơ.

***b. Nghệ thuật miêu tả tâm lý và phát triển tính cách nhân vật***

Nhà văn ít tả hành động mà chủ yếu khắc họa tâm tư, nhiều khi mới chỉ là các ý nghĩ chập chờn trong tiềm thức nhân vật.

***c. Nghệ thuật tả cảnh đặc sắc***

- Cảnh thiên nhiên thơ mộng được miêu tả bằng ngôn ngữ giàu chất thơ và chất tạo hình (cảnh mùa xuân về trên núi Hồng Ngài).

- Cảnh miền núi với những nét sinh hoạt phong tục riêng, sinh động (Cảnh đêm tình mùa xuân, cảnh cúng trình ma, cảnh xử kiện).

**7. Chủ đề**

Tác phẩm đặt ra vấn đề số phận con người- những con người dưới đáy xã hội- những con người bị tước đoạt hết tài sản, bị bóc lột sức lao động và bị xúc phạm nặng nề về nhân phẩm. Giải quyết vấn đề số phận con người, Tô Hoài đã thức tỉnh họ, đưa họ đến với cách mạng và cho họ một cuộc sống mới.

**BÀI 2: VỢ NHẶT – KIM LÂN**

**1. Tác giả - Xuất xứ - hoàn cảnh ra đời: xem lại SGK**

**2. Tóm tắt**

Truyện lấy bối cảnh là nạn đói năm 1945. Tràng - một thanh niên nghèo, lại là dân ngụ cư, trong một lần đẩy hàng đã tình cờ có được vợ. Cô vợ nhặt đã tình nguyện theo Tràng chỉ sau một câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. Tràng đưa “thị” về giữa cảnh đói khát đang tràn đến xóm ngụ cư. Bà cụ Tứ thấy con có vợ thì vừa mừng vừa tủi cho thân phận nghèo khó của mình và thương con, thương nàng dâu đói khổ. Họ sống với nhau trong cảnh đói nghèo nhưng hạnh phúc và tin rằng: Việt Minh về làng, họ sẽ đi phá kho thóc Nhật, lấy lại thóc gạo để cứu sống mình.

**3. Ý nghĩa nhan đề**

- Nhan đề gợi tình huống éo le, kích thích trí tò mò người đọc. Thông thường, người ta có thể nhặt thứ này, thứ khác, chứ không ai “nhặt” “vợ”. Bởi dựng vợ gả chồng là việc lớn, thiêng liêng, có ăn hỏi, có cưới xin theo phong tục truyền thống của người Việt, không thể qua quýt, coi như trò đùa.

- “Vợ nhặt” là điều trái khoáy, oái ăm, bất thường, vô lí. Song thực ra nó lại rất có lí. Vì đúng là anh Tràng đã nhặt được vợ thật. Chỉ một vài câu bông đùa của Tràng mà có người đã theo về làm vợ. Điều này đã thực sự khiến một việc nghiêm túc, thiêng liêng trở thành trò đùa và ngược lại, điều tưởng như đùa ấy lại chính là sự thực.

🡺 Từ đây, bản thân nhan đề tự nó đã gợi ra cảnh ngộ éo le, sự rẻ rúng của giá trị con người. Chuyện Tràng nhặt được vợ đã nói lên tình cảnh thê thảm và thân phận tủi nhục của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

**4. Tình huống truyện**

- Tình huống truyện: Anh Tràng vừa nghèo, vừa xấu lại là dân ngụ cư thế mà lấy được vợ ngay giữa lúc đói khát, ranh giới giữa sự sống và cái chết hết sức mong manh.

- Tình huống lạ, độc đáo: người như Tràng mà lấy được vợ, thậm chí có vợ theo ! Thời buổi đói khát này, người như Tràng nuôi thân chẳng xong mà dám lấy vợ ! Chẳng phải thế mà việc Tràng có vợ đã tạo ra sự lạ lùng, ngạc nhiên với tất cả mọi người trong xóm ngụ cư, với bà cụ Tứ, thậm chí đã có những thời điểm chính Tràng cũng chẳng thể nào tin được vào điều đó.

- Tình huống truyện không chỉ tạo ra một hoàn cảnh “có vấn đề” cho câu chuyện mà còn nén trong đó ý đồ nghệ thuật của nhà văn đồng thời gợi mở các khía cạnh giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

**5. Nhân vật**

**5.1. *Tràng***

**- Tràng là người dân lao động nghèo, “nhặt” được vợ trong thời buổi đói khát:**

+ Bản thân anh là dân ngụ cư, dân ăn nhờ, ở đậu.

+ Tràng sống với mẹ già trong một căn nhà rẹo rọ trên bãi đất hoang mọc lổn nhổn những búi cỏ dại.

🡺 Hoàn cảnh xuất thân: khó lấy được vợ.

+ Tuy nhiên, giữa cái khung cảnh tối sầm lại vì đói khát, Tràng bỗng nhiên “nhặt” được vợ. Cuộc gặp gỡ giữa Tràng và người đàn bà không tên diễn ra thât chóng vánh chỉ qua hai lần gặp mà chỉ gặp ở đường và chợ để rồi “nên vợ, nên chồng”:

**Lần gặp thứ nhất:** Trên đường kéo xe thóc lên tỉnh, Tràng hò chơi cho đỡ mệt “Muốn….”. Không ngờ, thị ra đẩy xe cho anh và còn liếc mắt cười tít nữa. Tràng thích lắm vì từ khi cha sinh mẹ đẻ đến giờ mới có một người con gái cười với hắn tình tứ đến như thế.

**Lần gặp thứ 2**, ở quán nước ngoài chợ. Ban đầu, Tràng không nhận ra vì thị khác quá, trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt. Khi nhận ra rồi, trong lời đáp “ăn gì thì ăn, chả ăn giầu” Tràng sẵn sàng đãi thị bốn bát bánh đúc. Trong bối cảnh mà người ta lo thân không xong, ai cũng đứng trên miệng vực thẳm của cái chết hành động mà Tràng đãi thị bốn bát bánh đúc chứng tỏ rằng Tràng là một người khá tốt bụng và cởi mở. Chính sự tốt bụng và cởi mở của Tràng đã đem đến cho Tràng hạnh phúc, Tràng nói đùa với thị “Này … rồi cùng về”, nhưng thị đã theo Tràng về thật. Khi quyết định “đèo bòng” Tràng cảm thấy “chợn” nhưng “chậc kệ”

**- Niềm hạnh phúc khi có vợ:**

+ **Tràng khi** **đưa vợ** **về** **qua xóm ngụ** **cư**: tâm trạng của anh hôm nay phớn phở, cười tủm tỉm, hai con mắt thì sáng lên lấp lánh, trước ánh mắt nhìn đầy tò mò và ngạc nhiên của người dân trong xóm, trước những lời xì xào bàn tán của người dân trong xóm, Tràng rất hãnh diện, rất đắc ý, mặt cứ vênh lên như thể chứng tỏ với mọi người- Tràng đã có vợ.

**+ Tràng khi đưa vợ về đến nhà:**

Hànhđộng: xăm xăm nhấc tấm phên rách ra và câu nói“Không có người đàn bà nhà cửa ra thế đấy” ta hiểu rằng có vợ rồi người đàn ông ăn nói cục cằn kia bỗng văn hóa hẳn lên. Ánh mắt của anh đã để ý đến cô vợ nhặt và thắc mắc với lòng mình “Quái, sao nó lại buồn thế nhỉ?” Tràng sốt ruột mong ngóng mẹ về để còn ra mắt cô vợ nhặt. Khi mẹ về, sau lời giới thiệu, Tràng cũng hồi hộp, lo lắng đợi chờ câu trả lời của mẹ, và chỉ khi người mẹ nói “Các con phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng” Tràng mới thở đánh phào một cái.

🡺 Có thể nói, Kim Lân đã rất chú ý miêu tả diễn biến tâm trạng của Tràng từ khi có vợ. Có rất nhiều lần Kim Lân nhắc đến nụ cười của Tràng để nhấn mạnh đến niềm khát khao hạnh phúc, khát khao mái ấm gia đình để thách thức với cái đói đang tung lưới bủa vây.

**+ Tràng trong buổi sáng ngày hôm sau:**

~Tràng thấy mình như bước ra từ một giấc mơ, trong người “êm ái lửng lơ”.

**~** Trước mặt anh mọi thứ đều thay đổi: nhà cửa sân vườn hôm nay đều được quét tước sạch sẽ; mấy chiếc quần áo rách như tổ đỉa vẫn vắt ở góc nhà đã thấy đem ra sân hong; hai cái ang nước vẫn để khô cong duới gốc cây ổi giờ đã kín nước đầy ăm ắp. Rõ ràng những cảnh tượng rất đỗi bình thường ấy cũng đã làm cho anh cảm động, hạnh phúc với anh thật giản dị.

~ Từ buổi sáng đó, anh mới thấy mình nên người. Anh nghĩ đến tương lai, đến sự sinh sôi nảy nở của hạnh phúc để rồi vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng.

~ Và người vợ nhặt của Tràng hôm nay cũng khác lắm - đó là một người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không có vẻ gì chao chát, chỏng lỏn nữa.

~ Tràng thấy “thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này”. Nguồn vui ấy như tia nắng, như ánh bình minh đem sinh khí đến cho cuộc sống vốn đang ngập tràn sự chết chóc của cái đói tung lưới bủa vây.

~ Và trong bữa cơm đầu tiên, bữa cơm của 3 con người đang khốn khổ vì cái đói, tràn ngập sự đầm ấm, hoà hợp.

**- Hình ảnh khép lại tác phẩm** trong óc Tràng là hìnhảnh lá cờđỏvàđoàn ngườiđói đi trên đê Sộp, gợi cho người đọc nghĩ về Việt Minh, về Cách mạng tháng Tám vĩ đại, về sự vùng dậy của những người dân khốn khổ, đập tan xiềng xích, giành lại cơm áo, giành lại sự sống cho bản thân, giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Vì thế, kết thúc của tác phẩm đã gieo vào lòng người đọc một niềm tin mãnh liệt, gieo một hạt giống hi vọng mãnh liệt vào tâm hồn Tràng, gia đình anh và tất cả bạn đọc chúng ta.

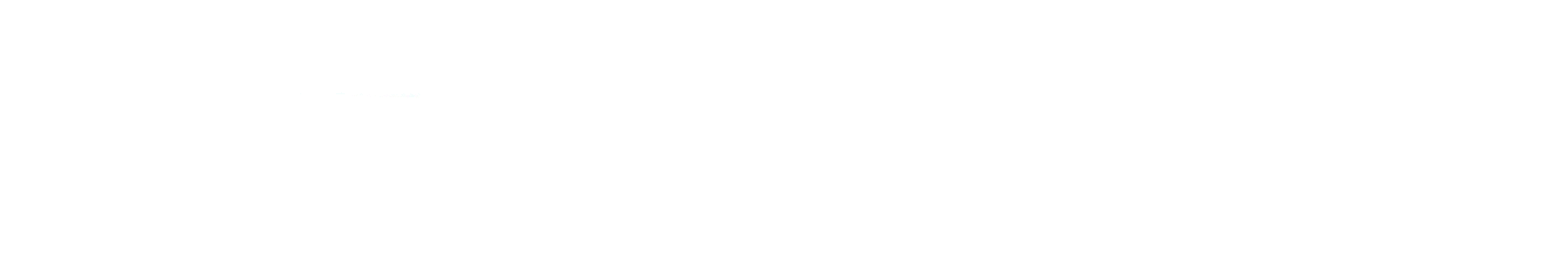
***5.2. Thị (người “vợ nhặt”):***

- Cũng giống như Tràng, khung cảnh Kim Lân để cho nhân vật này xuất hiện là một không gian tối sầm vì đói khát. Cũng giống như bao người khác, thị ngồi vêu cùng với mấy chị em gái nơi cửa nhà kho. Chị không có tên, không tuổi tác, không cha mẹ, không gia đình… môt con số không tròn trĩnh đang bao trùm lên lá số tử vi của chị. Cái đói đã cướp đi của thị tất cả.

- Khi chưa theo Tràng về làm vợ cái đói đã để lại “dấu tích” ghê gớm trên dáng hình và tính cách của chị:

+ Lần gặp thứ nhất: có vẻ táo tợn, ăn nói mạnh mẽ “Có khối cơm trắng mấy giò mà ăn đấy! “Này nhà tôi ơi! Nói thật hay nói khoác đấy”

+ Lần gặp thứ 2: chân dung của thị khiến Tràng không nhận ra, gầy (dẫn chứng)…Thị cong cớn trong lời nói, vô duyên trong hành động “sà xuống đánh... cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc... ăn xong cầm đôi đũa quệt ngang miệng, thở: Hà ngon! Về chị thấy hụt tiền thì bỏ bố”. Tuy nhiên, ẩn đằng những lời nói và hành động ấy là khát vọng về hạnh phúc và sự sống.

🡺 Kim Lân không có ý chê bai người vợ nhặt kia, dù thực tế cung có những người phụ nữ không đẹp. Điều mà nhà văn muốn nhấn mạnh ở đây là: sức hủy hoại khủng khiếp của cái đói đối với hình hài và tính cách của con người. Vì đói mà thị cố tạo ra cái vẻ cong cớn, chao chát, chỏng lỏn như là để thách thức với số phận. Vì đói mà thị quên đi cả sĩ diện của mình, quên đi cả lòng tự trọng theo không một người đàn ông về làm vợ trong khi chẳng biết tí gì về anh ta. Vì đói mà thị đánh liều nhắm mắt đưa chân, đánh liều với hạnh**** phúc cả đời mình. Thị thật đáng thương. Nhưng đằng sau sự liều lĩnh ấy của thị, người đọc hiểu rằng, thị là người có ý thức bám lấy sự sống mãnh liệt.

- **Miêu tả nhân vật thị**, Kim Lân không chú trọng nhiều đến diễn biến tâm trạng bên trong mà Kim Lân **chú ý nhiều đến hành động:**

+ Thị bước sau Tràng chừng 3-4 bước, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che đi nửa mặt, mặt cúi xuống, chân nọ bước díu cả vào chân kia. Thị đã ý thức được về bản thân, cái dáng cúi mặt kia phải chăng đó là sự tủi phận

+ Về đến nhà, trông nếp nhà rẹo rọ của Tràng, thị nén tiếng thở dài, tiếng thở dài chấp nhận bước vào cuộc đời của Tràng.

+ Hành động khép nép, tay vân vê tà áo khi đứng trước mặt bà cụ Tứ, thị thật đáng thương

- Tuy nhiên, ở sâu thẳm bên trong con người này vẫn có một niềm khát khao mái ấm gia đình thực sự. Thị đã trở thành một con người hoàn toàn khác khi là một người vợ trong gia đình. Hạnh phúc đã làm cho thị thay đổi từ một người phụ nữ cong cớn, đánh đá bỗng trở thành một người đàn bà hiền hậu đúng mực, mái ấm gia đình đã đủ sức mạnh làm thay đổi một con người.

**- Hình tượng chị vợ nhặt thể hiện rất rõ tư tưởng nhân đạo của Kim Lân**

+ Một mặt nhà văn đã lên án tội ác dã man của phát xít Nhật và TDP. Nạn đói do chính gây ra đã cướp đi mọi giá trị của con người, và biến người con gái như một thứ đồ rẻ rúng có thể nhặt được

+ Mặt khác vợ Tràng đã nói lên một sự thật ở đời đó là trong đói khổ, hoạn nạn, kề bên cái chết nhưng con người vẫn khát khao được sống, vẫn sống ngay khi cả cuộc đời không thể chịu được nữa. Những con người nghèo khổ vẫn thương yêu đùm bọc, và cùng nhau vun đắp hạnh phúc để vượt qua những thử thách khắc nghiệt.

**5.3. *Bà cụ* *Tứ:***

- Nhà văn Kim Lân tâm sự: “Phần gây xúc động lớn nhất cho tôi khi đọc lại truyện ngắn Vợ nhặt đó là đoạn bà cụ Tứ- mẹ Tràng trở về”. Thông điệp nghệ thuật về bản chất nhân đạo trong tâm hồn người Việt ở hình tượng nhân vật bà cụ Tứ đã được Kim Lân thể hiện thành công qua diến biến tâm trạng của người mẹ nghèo ấy khi nhìn thấy chị vợ nhặt xuất hiện trong nhà mình cho đến buổi sáng ngày hôm sau.

**- Ngạc nhiên và bất ngờ là tâm trạng đầu tiên ở người mẹ nghèo** khi lậtđật theo con từngõ vào nhà. Từ trước đến giờ có bao giờ Tràng mong ngóng mẹ về đến thế đâu, nhất định là phải chuyện gì quan trọng, khác thường. Chân bước theo con nhưng lòng bà đang phấp phỏng. Rồi “đứng sững lại” khi bà nhìn thấy một người phụ nữ đứng ở đầu giường con trai bà, mà lại chào bà bằng u. Ngạc nhiên đã làm cho bà lão không còn tin vào cảm giác của bà nữa, tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn đi thì phải. Nhưng thực sự mắt bà không nhoèn, và tai bà cũng không đến mức điếc lác như chị vợ nhặt nghĩ ban đầu. Bà chưa thể tin, không thể tin rằn con mình lại có người theo và lại chưa bao giờ hình dung nhận dâu trong một tình cảnh trớ trêu, tội nghiệp đến thế.

**- Bà lão cúi đầu nín lặng, đằng sau cái cúi đầu nín lặng ấy là dòng cảm xúc tuôn trào, là cơn bão lòng đang cuộn xoáy với tình thương con vô bờ bến.** Bây giờthì bàkhông chỉ biết sự việc “Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ” như lời Tràng thưa gửi mà bà còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp của con trai mình. Bà tủi thân, tủi phận, bà so sánh người ta với mình “người ta dựng vợ gả chồng cho con những lúc nhà ăn lên làm nổi, còn mình thì…”. Bà lão chua chát, tự trách bản thân mình, càng thương con bao nhiêu bà lại càng tủi phận bấy nhiêu. Bà lão đã khóc, những giọt nước mắt hiếm hoi của người già dưới ngòi bút nhạy cảm của Kim Lân đã gieo vào lòng người đọc biết bao thương xót, tủi buồn.

**- Bà đã chấp nhận nàng dâu không phải chỉ bằng tình mẫu tử mà lớn hơn đó là tình người, là sự cảm thông với chị vợ nhặt từ cái nhìn của người cùng giới, cùng là phụ nữ.** Câu nói đầu tiên mà bà cụ Tứ dành cho chị vợ nhặt “Ừ thôi các con phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng”, lời nói của bà như trút đi biết bao gánh nặng tâm trạng đang đè nặng trong Tràng, lời nói ấy như một sự chiêu tuyết cho giá trị của cô vợ nhặt. Câu nói ấy của bà làm cuộc hôn nhân của Tràng và thị không còn là chuyện nhặt nhau ở đường và chợ nữa mà là duyên phận. Cách nói giản dị mà chan chứa tình người quả thực đã làm ấm lòng những số phận tội nghiệp. Thị và Tràng dường như cũng sẽ ấm lòng hơn khi kinh nghiệm của một người mẹ từng trải nói “ai giàu ba họ, ai khó ba đời”. Bà động viên an ủi con trai và con dâu cùng nhau bước qua khó khăn đói khổ trước mắt mà lòng đầy thương xót.

- Nhưng sau những lời động viên ấy ta lại thấy Kim Lân để nhân vật bà cụ Tứ quay về với chính cuộc đời mình để mà **lo lắng cho hạnh phúc thực tại của hai con.** Điều mà bà lo không phải là “sự hợp nhau hay không hợp nhau” giữa hai người mà điều mà người mẹ ấy lo lắng đó là, cái đói đang đe dọa hạnh phúc của con bà. Trong bóng tối, bà nghĩ về cuộc đời dài dằng dặc của đời mình, cuộc đời của những người thân để mà thấu hiểu, thương xót rồi “nghẹn lời” chỉ có dòng nước mắt chảy xuống ròng ròng.

**- Hạnh phúc mới của con làm bà cụ Tứ được vui lây, bà động viên an ủi các con, nghĩ về một tương lai tươi sang phía trước:**

+ Khuôn mặt của bà nhẹnhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, bà xăm xắn quét dọn, giẫynhững búi cỏ dại nham nhở trong vườn, thu dọn nhà cửa cho quang quẻ với hy vọng đời sẽ có cơ khấm khá.

+ Trong bữa ăn đầu tiên, mâm cơm ngày đói sao thảm hại: chỉ có một lùm rau chuối thái rối, một đãi muối, một niêu cháo lõng bõng toàn nước và món chính là chè khoán- cháo cám nhưng không khí gia đình thật ấm áp, tình chồng vợ, tình mẹ con- những nguồn động lực lớn lao ấy giúp họ tăng thêm sức mạnh để vượt qua thực tại.

+ Bà cụ Tứ toàn nói chuyện của tương lai, toàn chuyện vui, chuyện sung sướng về sau. Bà lão bàn với con tính chuyện nuôi gà, ngoảnh đi ngoảnh lại sẽ có đàn gà cho mà xem. Câu chuyện của bà lão bất giác làm cho ta nhớ lại bài ca dao miền Trung- mười cái trứng. Cũng giống như tất cả những người bình dân xưa, bà lão đang gieo vào lòng các con bà niềm lạc quan, niềm tin và hi vọng. Từ đàn gà mà có tất cả. Khát vọng sống bật lên ngay cả trong hoàn cảnh khốn cùng nhất “chớ than phận khó ai ơi- Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”.

**- Song niềm vui của bà cụ Tứ cũng thật tội nghiệp. Miếng cháo cám đắng chát và tiếng trống thúc thuế dồn dập vội vã đưa bà cụ Tứ trở về với thực tại** với tiếng nói xenlẫn cả hơi thở dài trong lo lắng: “Đằng thì nó bắt giồng đay, đằng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống được qua được đâu các con ạ”! Và bà lại khóc, tình thương con lại hiện hình qua những giọt nước mắt lặng lẽ tuôn rơi.

🡺 Với sự thấu hiểu, với sự đồng cảm, Kim Lân đã dựng lên hình ảnh bà cụ Tứ- người mẹ thương con, nhân hậu, bao dung. Trong hoàn cảnh đói nghèo, bà vẫn dang rộng cánh tay đón nhận người con dâu mặc dù trong lòng còn nhiều xót xa, tủi cực, vẫn gieo vào lòng các con ngọn lửa sống trong hoàn cảnh tối tăm của xã hội lúc bấy giờ.

**6. Giá trị hiện thực, nhân đạo**

***6.1. Giá trị hiện thực:***

- Truyện đã dựng lại một cách chân thực những ngày tháng bi thảm trong lịch sử dân tộc, đó là khoảng thời gian diễn ra nạn đói năm 1945:

- Truyện phơi bày bản chất tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhận đã gây ra nạn đói năm 1945.

***6.2. Giá trị nhân đạo***

- Thái độ đồng cảm xót thương với số phận của người lao động nghèo khổ.

- Lên án tội ác dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.

- Trân trọng tấm lòng nhân hậu, niềm khao khát hạnh phúc bình dị những người lao động nghèo.

- Dự báo cho những người nghèo khổ con đường đấu tranh để đổi đời, vươn tới tương lai tươi sáng.

**7. Nghệ thuật**

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo.

- Lối trần thuật tự nhiên, hấp dẫn làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật.

- Tạo không khí và dựng thoại rất hấp dẫn, ấn tượng.

- Nhân vật được khắc hoạ sinh động đặc biệt là ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế.

- Ngôn ngữ: Bình dị, đời thường nhưng có chắt lọc kỹ lưỡng, có sức gợi và đậm chất Bắc Bộ.

**8. Chủ đề**

Qua truyện “Vợ nhặt”, Kim Lân muốn khẳng định: trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, ngay cả khi cái chết liền kề, những người dân lao động nghèo khổ, lương thiện vẫn yêu thương, đùm bọc lấy nhau, vẫn khát khao mái ấm hạnh phúc gia đình và hy vọng vào một cuộc sống mới tốt đẹp hơn

**BÀI 3: RỪNG XÀ NU – NGUYỄN TRUNG THÀNH:**

**1. Tác giả – xuất xứ tác phẩm: xem lại SGK**

**2. Tóm tắt văn bản:**

- Rừng xà nu kể về người anh hùng Tnú của dân làng Xô Man, Tây Nguyên, sau thời gian 3 năm đi theo cách mạnh đã trở về làng, Tnú được Bé Heng đón và dẫn về làng. Trở về đây anh gặp lại người thân nhất là Cụ Mết già làng và bà con mừng rỡ đón Tnú. Bà con trong làng tụ tập lại nghe cụ Mết kể về cuộc đời của Tnú, từ Xút bị giặc treo cổ, bà Nhan bị giặc chặt đầu, Tnú và Mai phải đi vào rừng để nuôi anh Quyết, được anh dạy nó học chữ. Trong một lần băng rừng Tnú bị giặc bắt, bị tra tấn, Tnú vượt ngục trốn nhưng anh Quyết thì hi sinh. Dân làng quyết tâm phản kháng, nghe tin thì Thằng Dục đưa lũ giặc về vây ráp làng. Bọn giặc không tìm thấy Tnú đã giết chết mẹ con Mai. Căm thù giặc anh tay không ra cứu vợ con, nhưng bị giặc bắt., chúng đốt cháy 10 ngón tay Tnú bằng nhựa xà nu. Tình thế nguy cấp cụ Mết và thanh niên từ rừng xông ra, dùng mác, rựa chém chết lũ ác ôn giải phóng dân làng. Làng Xô Man bừng bừng lửa cháy khắp nơi. Kết thúc truyện cụ Mết, bé Heng, Dít tiễn Tnú ra đi theo cách mạng để đánh đuổi bọn giặc.

**3. Nhan đề tác phẩm:**

**-** Nhan đề là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của nhà văn. Hình ảnh rừng xà nu là linh hồn của tác phẩm. Cảm hứng chủ đạo và dụng ý nghệ thuật của nhà văn được khơi nguồn từ hình ảnh này. – Rừng xà nu là hình ảnh trung tâm có vẻ đẹp riêng, gắn bó mật thiết với cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân Tây Nguyên, biểu tượng cho những phẩm chất cao đẹp của con người Tây Nguyên: sức sống mãnh liệt, kiên cường, bất khuất, khao khát tự do. – Nhan đề còn gợi chủ đề, cảm hứng sử thi cho truyện ngắn.

**4. Hình tượng cây xà nu:** Trong tác phẩm có khoảng 20 lần nhà văn nhắc trực tiếp hoặc gián tiếp đến cây xà nu và những biến thể khác nhau như củi xà nu, khói xà nu, lửa xà nu, nhựa xà nu, lá xà nu…

a. Mở đầu câu chuyện tác giả đã miêu tả một tình huống đặc biệt: sự chạm trán trực tiếp,sự đối lập giữa súc sống,sự quả cảm của dân làng Xô-Man với sự tàn bạo dữ dội của bom đạn của kẻ thù.Từ đó nhà văn đi miêu tả rừng xà nu. Nhà văn đã sửu dụng các biện pháp so sánh, nhân hóa nhiều tính từ động từ để mô tả cây xà nu từ tổng thể khái quát đến chi tiết cụ thể. Ngòi bút của nhà văn như ống kính của nhà quay phim đã bao quát toàn cảnh thu vào máy quay sự trùng điệp của rừng xà nu chạy tít tắp đến tận chân trời.

- Đó là cánh rừng cạnh con nước lớn hàng ngày phải hứng chịu bom đạn đại bác của giặc. Đó cũng là cánh rừng đầy thương tích “không có cây nào không bi thương”, “những vết thương dần bầm lại”. Rồi tác giả đã miêu tả sức sống mãnh liệt của cây xà nu “Cạnh một cây mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên xanh rờn hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”. Xà nu là loại cây ham ánh sáng mặt trời nên nó phóng lên rất cao để đón lấy ánh nắng,nhựa của nó rất trong rất thơm. Xà nu đã có từ ngàn đời và sẽ còn tồn tại đến ngàn đời sau.

b. Kết thúc tác phẩm nhà văn lấy lại gần như nguyên văn câu viết về rừng xà nu ở phần mở đầu: “đứng trên đồi xà nu….nhìn xa xa đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp đến tận chân trời”. Điều này tạo nên kiểu kết cấu vòng tròn vừa khép lại câu chuyện này,vừa mở ra một câu chuyện khác. Kết cấu đầu cuối tương ứng một mặt khiến cho người đọc cảm tưởng như kì tích anh hùng của Tnú,của dân làng Xô-man mà tưởng vừa kể chỉ là sự nối tiếp của những tù trưởng danh tiếng và câu chuyện sẽ được viết tiếp bởi những thế hệ sau của làng. Mặt khác dường như câu chuyện chỉ không chỉ bó hẹp trong không gian của làng Xô man mà còn được mở rộng ra khắp mọi miền đất nước.

c. Ngoài phần mở đầu và kết thúc, trong câu chuyện về cuộc đời Tnú khác cuộc nổi dậy của dân làng Xô man cây xà nu luôn được nhắc đến với một dụng ý nghệ thuật rõ nét:

=> Cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc sống thường nhật của người dân làng Xô man: cây xà nu

- Có mặt trong đời sống hàng ngày của người dân làng Tây Nguyên tự ngàn đời: lửa xà nu cháy trong bếp mỗi gia đình, lửa xà nu cháy trong nhà ưng tập hợp dân làng, khói xà nu trong bếp xông bảng nửa để trẻ con học chữ. Cây xà nu còn gắn với những sự kiện trọng đại của làng Xô man. Ngọn đuốc Xà nu dẫn đường cho cụ Mết và dân làng lấy giáo mác dụ rựa để chuẩn bị nổi dậy. Khi giặc đốt hai bàn tay Tnú, khi dân làng Xô man nổi dậy xác mười tên giặc ngổn ngang quanh đống lửa.

- Ngoài ra cây xà nu còn thấm sâu vào trong suy nghĩ và cảm xúc của dân làng. Cảm nhận của Tnú về cụ Mết khi về thăm làng: “Ông ở trần ngực căng như cây Xà nu lớn, sự tự hào của cụ Mết về cây xà nu: “không có cây gì mạnh  bằng cây xà nu đất ta”. Như vậy có thể nói cây xà nu đã trở thành một phần của máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô man. Việc tác giả miêu tả cụ thể chi tiết về cây Xà nu góp phần quan trọng tạo nên không khí Tây Nguyên, chất Tây Nguyên độc đáo của tác phẩm.

d. Cây xà nu được tác giả miêu tả trong tác phẩm còn là hình tượng tượng trưng cho số phận và phẩm chất của người Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng.

- Thương tích mà rừng xà nu phải gánh chịu do đại bác kẻ thù là tượng trưng cho những mất mát đau thương vô bờ mà người dân Tây Nguyên phải gánh chịu trong đấu tranh. Trong rừng hàng vạn cây xà nu không có cây nào là không bị thương cũng như cả làng Xô man không có người nào, không có gia đình nào lại không chịu những mất mát đau thương do kẻ thù gây ra.

- Đặc tính ham ánh sáng mặt trời của cây Xà nu tượng trưng cho nièm khao khát tự do, lòng tin và lí tưởng cánh mạng của người dân Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến.

- Khả năng sinh sôi nảy nở mãnh liệt của cây Xà nu tượng trưng cho sự tiếp nối của nhiều thế hệ người dân Tây Nguyên đoàn kết bên nhau trong cuộc kháng chiến. Thế hệ người đi trước là cụ Mết, thế hệ trưởng thành là Tnú, Dít, thế hệ măng non là bé Heng.Thế hệ này ngã xuống có thế hệ tiếp thay thế.

- Sự tồn tại kì diệu của rừng xà nu qua những hành động hủy diệt của kẻ thù tượng trưng cho sức sống bất diệt xự bất khuất kiên cường và sự vươn lên mạnh mẽ trong kháng chiến của con người Tây Nguyên.

*=> Như vậy, đặc điểm cây xà nu có sự hài hòa tương ứng với những phẩm chất cao đẹp của người dân làng Xô man. Nó là biểu tượng của dân làng Xô man, của nhân dân Tây Nguyên nói chung trong kháng chiến. Qua việc miêu tả cây Xà nu và rừng Xà nu Nguyễn Trung Thành đã mang đến cho người đọc một hình tượng nghệ thuật đặc sắc. Cây Xà nu, rừng Xà nu và con người Tây Nguyên đã thực sự hòa nhập với nhau trong nỗi đau thương và sự kiên cường mạnh mẽ.*

**5. Các nhân vật trong tác phẩm**

**a. Tnú:** Tnú là hình tượng nhân vật trung tâm trong tác phẩm xuất hiện từ đầu đến cuối thiên truyện qua hai tình huống: Cuộc trở về thăm làng của Tnú sau ba năm đi lực lượng và lời kể của cụ Mết. Ở tình huống nào Tnú cũng để lại ấn tượng khó quên trong lòng người đọc

**a.1. Tnú về thăm làng**

Anh hiện lên là một anh giải phóng quân yêu làng, yêu nước được thằng bé Heng đón ở đồi Xà nu cạnh con nước lớn. Tnú khát khao được ngâm mình xuống dòng suối đầu làng cho bõ nhớ làng. Trên đường về Tnú nhớ nguyên vẹn cây Xà nu cạnh con nước lớn đã chứng kiến những rung động đầu đời của anh và Mai ngày anh vượt ngục Komtum về làng. Nghe âm thanh của tiếng chày giã gạo anh chợt nhận ra cái mà anh nhớ nhất day dứt nhất chính là âm thanh đó. Đó tất cả đều là bỉểu hiện của tình yêu quê hương cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng. Tnú còn là người có tính kỉ luật cao. Nhớ làng nhớ quê nhưng cấp trên cho anh về nhà một đêm anh cũng chỉ về một đêm thôi sáng hôm sau lại lên đường trở về đơn vị.

**a.2. Qua lời kể của cụ Mết.**

–  Ta thấy cuộc đời và những kì tích của Tnú từ khi sinh ra lớn lên làm cách mạng tới khi tham gia lực lượng ở đoạn đời nào cũng ánh lên vẻ đẹp khởi dậy trong lòng người dân Xô man niềm tự hào kiêu hãnh về người con ưu tú của buôn làng.

–  Trước hết Tnú hiện lên là một đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ “đời nó khổ nhưng trong bụng nó sạch như nước suối làng ta.”Liên tưởng của cụ Mết không chỉ hiện ra trong đời thơ ấu bất hạnh của Tnú mà còn bày ra thái độ trân trọng của cụ Mết vì tâm hồn tróng sáng cao đẹp của Tnú.Tnú lớn lên trong sự cưu mang đùm bọc của dân làng Xô man,mang trong mình dòng máu Tây Nguyên anh hùng bất khuất.Anh Xút, bà Nhan bị giặc giết vì nuôi giấu cán bộ.

– Tnú và Mai tự nguyện làm giao liên cho anh Quyết. Tnú được anh quyết dạy chữ, Tnú đã kiên trì để cho cái chữ vào đầu. Học chữ Tnú lâu nhớ nhưng đi đường rừng Tnú lại sáng lạ làng. Anh xé rừng mà đi, lựa chỗ thác mạnh mà lội để tránh phục kích của giặc. Tnú luôn hoàn thành nhiệm vụ,chưa bao giờ làm mất một phong thư. Có lần bị giặc bắt anh nhanh trí nuốt lá thư vào bụng và nói “cộng sản ở đây này”. Tất cả những biểu hiện trên là vẻ đẹp của sự mưu trí dũng cảm gan dạ của chú bé giao liên.

–  Khi trưởng thành, sau hành động ấy Tnú bị bắt đày ở ngục Kontum, ba năm sau Tnú vượt ngục trở về, nghe theo lời trăn trối của anh Quyết và cụ Mết, Tnú đã lãnh đạo dân làng Xô man tìm vũ khí đánh giặc. Tin ấy đến tai thằng giặc,chúng đã tàn sát làng Xô man hết sức dã man, không bắt được Tnú chúng bắt mẹ con Mai để hành hạ:bắt được cọp cái và cọp con ắt sẽ dụ được cọp đực trở về “từ gốc cây vả đầu làng Tnú đã nhìn thấy cảnh bọn giặc hành hạ vợ con hai con mắt của anh lúc này như hai cục lửa lớn. Bất chấp sự ngăn cản của cụ Mểt,Tnú tay không nhảy ra giữa bọn giặc che chở cho hai mẹ con.

– Những cử chỉ và hành động ấy của Tnú vừa là biểu tượng của lòng sôi sục căm quân cướp nước, bè lũ tay sai vừa là biểu hiện tình yêu thương vợ con tha thiết và sâu nặng mang vẻ đẹp của con người thời đại “biết căm thù nhưng cũng biết yêu thương”. Nhưng đúng như lời cụ Mết, Tnú không cứu được vợ con, chỉ có hai bàn tay trắng mẹ con Mai vẫn chết bởi làn roi sắt của bọn thằng giặc.

– Tnú bị bọn thằng Dục tẩm nhựa xà nu đốt mười đầu ngón tay,mười ngón tay anh trở thành mười ngọn đuốc.Ngọn lửa ở mười đầu ngón tay chuyển thành ngọn lửa ở trong lòng: “Anh không nghe lửa cháy ở đầu ngón tay nữa,anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng” Tnú không thèm kêu van van vẫn gan góc đến lạ kì anh vẫn nhớ lời anh Quyết “người cộng sản không thèm kêu van”.

– Ngọn lửa trong lòng Tnú mỗi lúc một lớn dần lên. Tnú cảm thấy “cháy,cháy cả ruột gan đây rồi”. Lòng căm thù trong anh bật lên thành tiếng thét lớn: “Giết”, tiếng thét của anh vang lên dội lên thành những tiếng thét dữ dội bùng lên ngọn lửa cách mạng làng Xô man. Cả làng Xô man với vũ khí thô sơ vốn có trong tay dưới sự lãnh đạo của cụ Mết đã nhất tề đứng dậy chiến đấu và chiến thắng giặc, cứu được Tnú. Nhưng bàn tay anh mỗi ngón cụt mất một đốt.

🡺 Qua sự việc trên nhà văn muốn nhấn mạnh tình yêu thương sâu sắc, lòng căm thù cháy bỏng, sự dũng cảm vô song là điều kiện cần nhưng chưa đủ để đánh thắng kẻ thù. Đúng như lời cụ Mết nói: “chúng nó đã cầm súng thì mình phải cầm giáo mác”. Dùng bạo lực để chống lại bạo lực, lấy đấu tranh vũ trang để chống lai vũ trang. Nhờ vậy mà làng Xô man đã được giải phóng, đã xây dựng thành làng kháng chiến.

– Ở Tnú, hình ảnh bàn tay mang dấu ấn tính cách cuộc đời. Khi lành lặn, đó là bàn tay trung thực nghĩa tình. Bàn tay cầm phấn viết chữ,bàn tay lấy đá đập vào đầu mình vì học chữ hay quên, bàn tay yêu thương khí cầm tay Mai, bàn tay dũng cảm khi đặt lên bụng mình mà nói dõng dạc:”cộng sản ở đây này”. Khi bị thương, bàn tay là chứng tích của một giai đoạn đau thương của thời điểm căm giận sôi trào, đó còn là bàn tay trừng phạt, bàn tay quả báo khi chính đôi bàn tay ấy đã bóp chết tên giặc. Đôi bàn tay cụt đốt là hình ảnh bi tráng thể hiện sức sống bất diệt của lòng yêu nước, chỉ căm thù khát khao đánh giặc cứu nước của Tnú nói riêng,của dân làng Xô man nói chung.

🡺 *Tnú không chỉ là con người ưu tú của dân làng Xô man mà còn là hình tượng tiêu biểu của lớp thanh niên thời đại đó là vẻ đẹp của những con người giàu lòng yêu nước, yêu quê hương cũng là vẻ đẹp con người luôn sôi sục lòng căm thù quân cướp nước và khát khao cứu nước. Cùng với cụ Mết, Dít, Heng, Tnú đã làm nổi  bật lên lịch sử của thời đại cũng như tính chất của cuộc chiến tranh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc. Để khắc phục hình tượng nhân vật Tnú tác giả đã dùng lối kể phong phú khi là lời kể của ngôi thứ ba (tác giả), lúc là lời kể của ngôi thứ nhất(cụ Mết) đồng thời tác giả đã tạo ra những chi tiết nghệ thuật đặc sắc: đôi bàn tay để làm nổi bật và gây ấn tượng mạnh mẽ trong lòng người đọc.*

**b. Các nhân vật khác**

**\* Cụ Mết.**

-Cụ là hiện thân cho truyền thống thiêng liêng biểu hiện cho sức mạnh mẽ của dân làng Xô man.

**\* Mai và Dít.**

–  Mai và Dít là vẻ đẹp của thế hệ thanh niên kiên định vững vàng trong bão táp chiến tranh.

**\* Bé Heng.**

–  Là thế hệ nối tiếp để đưa cuộc chiến đến thắng lợi cuối cùng.

=> Cuộc chiến khốc liệt đòi hỏi mỗi người phải có sức trỗi dậy mãnh liệt, sự nối tiếp các thế hệ làm nổi bật tinh thần bất khuất của các nhân vật.

**6. Đặc sắc về nghệ thuật**

–  Mang đậm khuynh hướng sử thi.

+ Chủ đề: Tác phẩm đề cập đến tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của dân làng Xô man, của đồng bào Tây Nguyên của con người Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc.

+ Hình tượng: hoành tráng cao cả của núi rừng và con người.

+ Hệ thống nhân vật có sức sống mạnh mẽ mang cốt cách của cộng đồng.

+ Giọng kể trang nghiêm hào hùng.

–  Cách thức trần thuật.

+ Kể theo lối hồi tưởng qua lời kể của nhân vật cụ Mết.

– Truyện mang đậm cảm hứng lãng mạn: đề cao vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong sự đối lập với sự tàn bạo của kẻ thù; lời văn trau truốt giàu sức tạo hình, giàu chất thơ.

**7. Chủ đề:**

Rừng xà nu là thiên truyện mang ý nghĩa và vẻ đẹp của một khúc sử thi trong văn xuôi hiện đại với lời văn trau chuốt giàu hình ảnh tác phẩm đã tái hiện lại vẻ đẹp tráng lệ hào hùng của núi rừng; của con người và của truyền thống văn hóa Tây Nguyên. Thông qua câu chuyện của những con người ở bản làng hẻo lánh bên những cánh rừng xà nu bạt ngàn xanh bất tận. Tác giả đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa lớn lao của dân tộc và thời đại: để cho sự sống của đất nước và nhân dân mãi mãi trường tồn không có cách nào hơn phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù tàn ác.

**BÀI 4: NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH – NGUYỄN THI:**

**1. Tác giả – xuất xứ tác phẩm: xem lại SGK**

**2. Tóm tắt văn bản:**

Truyện kể về gia đình anh giải phóng quân tên Việt. Việt được sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng, ba mẹ đều bị giết dưới bàn tay của kẻ thù. Chính mối thì sâu sắc với Mĩ- ngụy đã thôi thúc những người con trong gia đình ấy khát khao chiến đấu để trả thù nhà, nợ nước. Trong một trận đánh, Việt bị thương, bị lạc đồng đội. Việt ngất đi tỉnh lại nhiều lần. Cũng giống như những lần tỉnh dậy trước, hồi ức quá khứ, hiện tại luôn đan xen nhau. Lần tỉnh thứ 4 của Việt, kí ức về má hiện về, mấy hạt mưa làm Việt choàng tình hẳn. Việt sợ bóng tối, sợ ma hơn là sợ giặc. Dù bị thương nhưng phân biệt rất rõ đâu là tiếng súng nổ của ta, đâu là tiếng pháo lễnh lãng của giặc. Việt nhớ lại cảnh hai chị em tranh nhau đi tòng quân. Việt đòi đi nhưng chi Chiến không nghe, sau đó phải nhờ chú Năm phân giải. Chú Năm nhất trí cho cả hai đi. Trước khi lên đường, chị Chiến lo thu xếp công việc gia đình. Gửi em Út sang chú Năm, nhà cửa gửi cho các anh trong chi bộ làm nơi dạy học, ruộng trả lại cho xã, gởi bàn thờ má sang chỗ chú Năm. Đoạn trích kết thúc bằng hình ảnh hai chị em Việt- Chiến khiêng bàn thờ má sang gửi chú Năm.

**3. Nhan đề**

“Những đứa con” trong nhan đề của truyện trước hết chính là Việt và Chiến - những người con trong một “gia đình” nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thuỷ chung son sắt với quê hương cách mạng. Mở rộng hơn, còn có thể hiểu đó là thế hệ trẻ miền Nam, những người con của đại “gia đình” miền Nam ruột thịt trong những năm kháng chiến chống Mĩ ác liệt.

Nhan đề gợi lên mối quan hệ giữa riêng với chung, nhà với nước, giữa tình cảm gia đình, với tình yêu nước, yêu cách mạng. Chính sự kết hợp giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ.

**5. Tình huống truyện**

- Việt – nhân vật chính của truyện bị thương nặng trong một trận đánh, Việt bị lạc đồng đội, ngất đi tỉnh lại nhiều lần. Và chính trong trạng thái khi ngất đi, lúc tỉnh lại, Việt đã hồi tưởng lại những sự kiện diễn ra ở gia đình mình, với mình, chị Chiến.

- Truyện được kể theo dòng ý thức của nhân vật khi liền mạch (lúc tỉnh), khi gián đoạn (lúc ngất) của người trong cuộc làm cho câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.

**6. Cách trần thuật**

\* 3 phương thức trần thuật phổ biến trong tác phẩm tự sự (căn cứ vào ngôi của nhân vật được kể).

- Phương thức 1: theo ngôi thứ 3 của người kể chuyện giấu mình > lời gián tiếp.

- Phương thức 2: theo ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện > lời trực tiếp.

- Phương thức 3: theo ngôi thứ ba của người kể chuyện tự giấu mình nhưng điểm nhìn, lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật > lời nửa trực tiếp.

**\* Những đứa con trong gia đình: kể theo phương thức thứ 3**

**7. Nội dung trọng tâm tác phẩm:**

**7. 1. Truyền thống gia đình đã gắn bó những con người với nhau**

- Căm thù giặc sâu sắc.

- Gan góc, dũng cảm, khao khát được chiến đấu, giết giặc.

- Giàu tình nghĩa, rất mực thủy chung, son sắc với quê hương, cách mạng.

🡺Tạo nên một dòng sông truyền thống.

**7.2. Hình ảnh gia đình**

*\* Người mẹ: (đọc toàn bộ truyện để có sự phân tích khái quát)*

- Qua kí ức đứa con: rất phụ nữ, vị tha, nhân hậu nhưng không mềm yếu.

- Có cuộc sống cơ cực, lam lũ, nhọc nhằn, khổ đau (bố chồng và chồng bị giặc giết, một thân một mình nuôi ba đứa con nhỏ)

- Tính cách phi thường trong những biểu hiện tình cảm bình thường:

+ Với chồng: đi đòi đầu chồng > gan góc.

+ Với con: Thương con hết mực nhưng rất nghiêm khắc (trong hồi ức chập chờn của Chiến, Má hiện lên đầu tiên: ghé lại, xoa đầu, đánh thức, lấy cơm cho Việt ăn…); luôn luôn nhắc nhở con về truyền thống gia đình và mối thù dân tộc; hun đúc, nuôi dưỡng ở con ý chí chiến đấu không mệt mỏi.

🡺 Cả Chiến và Việt luôn tạc dạ lời dặn của mẹ. > hình bóng của người mẹ đầy yêu thương và có sức mạnh cổ vũ mãnh liệt với hai chị em. Má in dấu trong mỗi câu nói, mỗi hành động của từng đứa con.

*\* Chú Năm:*

- Khắc họa qua giọng hò: “Câu hò nổi lên giữa ban ngày, bắt đầu cất lên như một hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, rồi kéo dài, từng tiếng một vỡ ra, nhắn nhủ, tha thiết, cuối cùng ngắt lại như một lời thề dữ dội” > so sánh tiếng hò như “một hiệu lệnh”, “một lời thề dữ dội” > Tiếng hò hút tất cả tâm lực của Chú Năm > vừa nhắc nhớ về truyền thống, thắp lên niềm tự hào về quê hương khó nghèo nhưng giàu có và bất khuất, vừa như lời hiệu triệu, một tiếng trống quân thúc giục động viên thanh niên ra trận.

- Giữ cuốn sổ gia đình, ghi từng ngày thay cho Việt và Chiến. Người giữ lửa yêu nước truyền cho các thế hệ.

🡺 Mẹ và chú Năm đều là những con người có chung phẩm chất: yêu nước, gắn bó với quê hương tha thiết, căm thù giặc, gan góc, kiên cường, chiến đấu hết mình vì Tổ quốc.

*\* Cuốn sổ gia đình*

- Chi tiết những việc xảy ra với gia đình > bằng chứng sống về tội ác của kẻ thù, lưu giữ, nuôi dưỡng truyền thống gia đình.

- Trao cho Việt và Chiến > hành động ý nghĩa: trao cho thế hệ con cháu trách nhiệm giữ gìn truyền thống.

- Cuốn sổ như một con sông > Con sông tích tụ nước từ bao đời, luôn luôn chảy (như các thế hệ tiếp nối nhau), đổ vể biển rộng (hòa quyện vào truyền thống bất khuất của dân tộc, hướng tới tương lai tươi sáng) > dòng chảy truyền thống gia đình bền bỉ, liên tục và bất tử.

🡺 Nhận xét: Hình ảnh gia đình, gắn với nhan đề tác phẩm, là môi trường khắc họa hình ảnh những đứa con => Tiêu biểu cho hình ảnh những gia đình miền Nam giàu truyền thống yêu nước trong kháng chiến chống Mĩ.

**7. 3.Hình ảnh những đứa con**

**a) Nhân vật Chiến:**

-Tính cách trẻ con:

•Tranh đi bộ đội với em

•Tranh bắt ếch.

- Mang những phẩm chất của Má

•Đảm đang, tháo vát: Thu xếp nhà cửa gọn gàng trước khi đi.

•Tiềm ẩn bản năng chăm lo của một người phụ nữ: thương và lo cho em, nghĩ ngợi việc nhà…

•Bộc trực, quyết liệt, gan góc, không đội trời chung với kẻ thù: “Nếu giặc còn thì tao mất”.

🡺 Chiến là hình ảnh tiếp nối của Má: 3 lần được so sánh với má (nói in như má vậy, giống hệt như má vậy, nói nghe in như má vậy) > sự tiếp nối truyền thống gia đình >dòng chảy truyền thống dạt dào qua các thế hệ.

**b) Nhân vật Việt:**

- Tính cách trẻ con, hồn nhiên, vô tư:

•Tranh đi bộ đội, tranh bắt ếch với chị.

•Trong khi chị Chiến lo toan thu xếp việc gia đình thì Việt “lăn kềnh ra ván cười”, vừa nghe vừa “chụp một con đom đóm úp trong lòng tay” rồi ngủ quên lúc nào không biết

•Đi đánh giặc vẫn đeo ná thun.

•Không sợ giặc nhưng lại sợ ma.

- Yêu thương, gắn bó với gia đình

•Thương má: Hình dung về má qua hồi ức của Việt dịu dàng, tha thiết; chuyển bàn thờ má: nhắn nhủ, tâm sự với má về quyết tâm trả thù.

•Thương chú Năm, thương chị: “Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ”

- Chiến sĩ giải phóng gan góc, quả cảm:

•Diệt được xe bọc thép của giặc.

•Bị thương nặng, lạc đồng đội, trong hồi ức đứt nối nhưng luôn thường trực nung nấu: tìm về với anh em, để tiếp tục đấu tranh.

- Căm thù giặc sâu sắc và quyết tâm chiến đấu đến cùng:

•Thể hiện sâu sắc qua chi tiết cảm động: chuyển bàn thờ mẹ cùng chị Chiến

•Đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặ trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về > lời nhắn nhủ, tâm tình cũng là lời thế, lời hứa với Má.

• Mối thù thằng Mĩ thì có thể rờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai > mối thù trừu tượng tụ thành hình thành khối như máu bầm không tan.

🡺 Việt và Chiến vừa là khúc sau của dòng sông truyền thống giað đình vừa tiêu biểu cho thế hệ trẻ miền Nam chống Mĩ: bộc trực, thẳng thắn, gan dạ, dũng cảm, căm thù giặc sâu sắc, yêu nước tha thiết và quyết tâm chiến đấu vì độc lập.

**7. 4. Đặc sắc nghệ thuật**

- Tình huống truyện hấp dẫn, nghệ thuật trần thuật: trần thuật chủ yếu qua dòng hồi tưởng của nhân vật Việt khi bị thương, ngất đi tỉnh lại nhiều lần. Lối kết cấu dựa vào dòng hồi tưởng nhân vật như thế làm cho truyện giàu cảm xúc, diễn biến linh hoạt, không tuân theo trật tự thời gian.

- Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể, giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam Bộ.

- Khắc họa tính cách nhân vật đậm chất Nam Bộ: thẳng thắn, bộc trực, lạc quan, yêu quê hương, gia đình, thủy chung đến cùng với cách mạng, ngùn ngụt ngọn lửa căm thù giặc...

- Dựng đối thoại và độc thoại nội tâm hấp dẫn, cảm động.

**7. 5. Biểu hiện của khuynh hướng sử thi:** Khuynh hướng sử thi thể hiện ở:

+ Chủ đề: ngợi ca tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng của một gia đình cũng là của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mĩ.

+ Nhân vật: có tính khái quát cao.

+ Giọng điệu: ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng

**BÀI 5: CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA – NGUYỄN MINH CHÂU:**

**1. Tác giả - xuất xứ: xem lại SGK**

**2. Tóm tắt văn bản**

Theo yêu cầu của trưởng phòng, nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng đến một vùng ven biển miền Trung (cũng là nơi anh đã từng chiến đấu) để chụp một tấm ảnh cho cuốn lịch năm sau. Sau nhiều ngày “phục kích”, người nghệ sĩ đã phát hiện và chụp được “một cảnh đắt trời cho” – đó là cảnh một chiếc thuyền ngoài xa đang ẩn hiện trong biển sớm mờ sương. Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, anh đã kinh ngạc hết mức khi chứng kiến từ chính chiếc thuyền đó cảnh một gã chồng vũ phu đánh đập người vợ hết sức dã man, đứa con vì muốn bảo vệ mẹ đã đánh trả lại cha mình. Những ngày sau, cảnh tượng đó lại tiếp diễn và lần này người nghệ sĩ đã ra tay can thiệp... Theo lời mời của chánh án Đẩu (một người đồng đội cũ của Phùng), người đàn bà hàng chài đã đến toà án huyện. Tại đây, người phụ nữ ấy đã từ chối sự giúp đỡ của Đẩu và Phùng, nhất quyết không bỏ lão chồng vũ phu. Chị đã kể câu chuyện về cuộc đời mình và đó cũng là lí do giải thích cho sự từ chối trên. Rời vùng biển với khá nhiều ảnh, người nghệ sĩ đã có một tấm được chọn vào bộ lịch “tĩnh vật hoàn toàn” về “thuyền và biển” năm ấy. Tuy nhiên, mỗi lần đứng trước tấm ảnh, người nghệ sĩ đều thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy hình ảnh người đàn bà nghèo khổ, lam lũ ấy bước ra từ bức tranh.

**3. Nhan đề văn bản**

***- Chiếc thuyền ngoài xa*** trước hết là biểu tượng của nghệthụât,đólà thứnghệthụâtđạt tới sự toàn mĩ và thánh thiện đến mức mà chiêm ngưỡng nó, người nghệ sĩ thấy tâm hồn mình được thanh lọc.

**-** Chiếc thuyền khi về gần đó lại là hiện thân của cuộc đời lam lũ, khó nhọc, thậm chí của những éo le, trái ngang và nghịch lí trong cuộc sống.

- Như vậy, chiếc thuyền nghệ thuật thì ở ngoài xa nhưng cuộc đời thì lại rất gần. Người nghệ sĩ cần có một khoảng cách nhất định để khám phá và thưởng thức vẻ đẹp đích thực của nghệ thụât nhưng lại cũng cần bám sát cuộc đời để phát hiện ra những sự thật của cuộc sống.

- Nhan đề là một ẩn dụ về mối quan hệ giữa cuộc đời và nghệ thuật !

**4. Tình huống truyện**

**-** Tình huống: một nghệ sĩ nhiếp ảnh đến một vùng ven biển miền Trung để chụp một tấm ảnh về cảnh biển buổi sớm có sương. Tại đây, anh đã phát hiện và chụp được một cảnh tượng “trời cho” - đó là cảnh một chiếc thuyền ngoài xa đang ẩn hiện trong biển sớm mờ sương. Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, người nghệ sĩ đã chứng kiến cảnh một gã chồng vũ phu đánh đập người vợ hết sức dã man. Ba hôm sau, cảnh tượng ấy lại diễn ra, người đàn bà được mời đến tòa án huyện, tại đây, người nghệ sĩ lắng nghe câu chuyện về cuộc đời của người đàn bà hàng chài kể lại và đó như một lời giải thích vì sao chị ta không bỏ chồng dù người chồng tàn bạo.

- Đây là một “tình huống nhận thức”, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về chân lí đời sống, chân lí nghệ thuật. Phùng đã phát hiện sau cảnh đẹp như mơ kia là những ngang trái, nghịch lí của đời thường.

- Tình huống truyện, thể hiện cái nhìn đa chiều về cuộc sống. Chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng đã hiểu ra nhiều điều về con người, cuộc sống khi chứng kiến câu chuyện và tiếp xúc với người đàn bà hàng chài. Từ tình huống truyện, tác giả đã đặt ra vấn đề “đôi mắt”, cách nhìn đời, nhìn người trong cuộc sống.

**5. Hai phát hiện của Phùng.**

**5.1. Phát hiện thứ nhất: phát hiện vẻ đẹp nghệ thuật**

- Vị thế của Phùng: nghệ sĩ nhiếp ảnh.

- Mục đích của chuyến đi: chụp bổ sung một bức ảnh buổi sáng có sương mù theo yêu

cầu của trưởng phòng (để xuất bản bộ lịch nghệ thuật về thuyền và biển).

- Điểm nhìn: từ xa, trong làn sương mờ ảo.

- Cảnh chiếc thuyền ngoài xa: màu sắc, mũi thuyền, con người, hình ảnh so sánh…

- Trạng thái, hành động của Phùng:

+ Bối rối, trong tim tưởng như có cái gì bóp thắt lại => cơn “đau đẻ”, khoảnh khắc xung động cực điểm để tác phẩm hoài thai.

+ Không phải lựa chọn gì nữa, bấm một hồi “liên thanh” => dường như thiên nhiên đã bày sẵn tuyệt tác, người nghệ sĩ chỉ việc ghi lại một cách dễ dàng.

🡺 Vẻ đẹp của “cái đẹp tuyệt đỉnh”: “bức tranh mực tàu của một danh hoạ thời cổ; một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích”. => nghệ thuật là sự giản dị, tự nhiên.

🡺 “Cái đẹp là đạo đức” => khoảnh khắc phát hiện ra một tác phẩm độc đáo là sự “khám phá chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn” => cái đẹp “thanh lọc” tâm hồn, để tâm hồn con người cao khiết, không gợn đục, thánh thiện.

***Nhận xét:*** Sự phát hiện ra cái đẹp trong nghệ thuật đôi khi là kết hợp của rung động và duyên may. Nhìn ở góc độ này, nó là thứ dẫu sao còn tương đối dễ phát hiện, dễ thấy.

**5.2. Phát hiện thứ hai: Phát hiện về hiện thực cuộc sống.**

- Điểm nhìn: chiếc thuyền đâm thẳng vào chỗ trước tôi đứng => gần, trực diện, rõ nét.

- Hình ảnh:

+ Người đàn bà: cao lớn, với những đường nét thô kệch, rỗ mặt, khuôn mặt mệt mỏi(…) tái ngắt và dường như đang buồn ngủ, tấm lưng áo bạc phếch và rách rưới.

+ Người đàn ông: tấm lưng rộng và cong, mái tóc tổ quạ, đi chân chữ bát, hàng lông mày cháy nắng, hai con mắt đầy vẻ độc dữ.

🡺 Hình ảnh xấu xí, sù sì, trần trụi, thô mộc, gai góc của đời sống, đối lập với vẻ lãng mạn của khung cảnh thiên nhiên trong bức ảnh nghệ thuật.

- Hành động:

+ Người chồng: hùng hổ, rút chiếc thắt lưng, “chẳng nói chẳng rằng” quật tới tấp vào lưng người đàn bà => hành động hung bạo, dã man, lạnh lùng, như một con thú dữ.

+ Người vợ: cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu lên một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn.

+ Đứa con: giằng thắt lưng, quật lại bố để bảo vệ mẹ.

🡺 Giống như một vở kịch câm, không lời chú giải, đầy nghịch lí khiến câu hỏi về hiện thực trong Phùng muốn vỡ ra.

***Nhận xét:***

Phát hiện về một hiện thực gồ ghề, gai góc, ngang trái, phức tạp, không dễ lí giải, khác xa, thậm chí đối lập với vẻ đẹp bình yên của tác phẩm nhiếp ảnh.

**\* Mối quan hệ giữa hai phát hiện** (mối quan hệgiữa nghệthuật và cuộc sống, nhà vănvà cuộc đời)

- Phát hiện nghệ thuật, ở một chừng mực nhất định dễ thấy hơn phát hiện về hiện thực. - Đời sống con người vốn bề bộn, phức tạp. Hiện thực không đơn chiều, giản đơn, toàn màu hồng mà đa chiều, phân tranh nhiều mảng sáng tối chưa dễ lí giải. Nhà văn nếu đứng ở ngoài xa để quan sát sẽ chỉ thấy một hiện thực mờ ảo - chiếc thuyền thấp thoáng biển khơi. Từ đó đòi hỏi nhà văn phải có cái nhìn sâu sắc, suy tư hơn nữa.

**6. Người đàn bà làng chài và câu chuyện đời tự kể.**

- Hình dáng: thô mộc, xấu xí, như nét vẽ vội của tạo hoá, mang những đặc trưng của một người đàn bà miền biển lam lũ.

- Thái độ, hành động khi được mời tới toà án:

+ Sợ sệt, lúng túng, tìm đến một góc tường để ngồi.

+ Rón rén ngồi ghé vào chiếc ghế mà Đẩu mời.

+ Van xin chính quyền đừng bắt chị bỏ người chồng vũ phu: “Quí toà bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó” => kiên quyết không bỏ chồng bằng mọi giá.=> hành động ẩn chứa nhiều nghịch lí, gây bất ngờ đối với cả Đẩu và Phùng => một sự thật không dễ lí giải trong hoàn cảnh người đàn bà phải chịu đựng những trận đánh thừa sống thiếu chết.(ba ngày một trận nhỏ, năm ngày một trận lớn) => Câu hỏi đặt ra: điều gì khiến người đàn bà khốn khổ ấy tha thiết bám víu cuộc sống địa ngục kinh hoàng với người chồng hung bạo kia?

**\* Câu chuyện cuộc đời:**

- Cách xưng hô: con, quý toà - chị, các chú => thay đổi tương quan: bị động, yếu thế, thiếu tự tin, bề dưới nói với bề trên - chủ động, bình đẳng, con ngưòi có hiểu biết nói với người đang lắng nghe.

- Nội dung câu chuyện:

+ Xấu, buộc phải lấy anh hàng chài

+ Đám đàn bà đẻ nhiều quá, mà thuyền lại chật => chồng hung hăng.

+ Bất kể lúc nào khổ quá, chồng lại lôi ra đánh, ngay trên tàu, sau này xin mãi mới được lên bờ chịu đòn.

+ Lí lẽ để “đừng bắt tôi bỏ nó”:

+ Giá đẻ ít đi => biện minh cho hành động hung hăng của chồng bằng cách chỉ ra lỗi thuộc vê sự nghèo đói, lạc hậu, “đẻ lắm”.

+ Là bởi vì các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết nỗi vất vả của một người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông(...) những khi biển động => vì cần một trụ cột.

+ Đàn bà trên thuyền phải sống cho con chứ không thể sống cho mình => vì trách nhiệm, tấm lòng vị tha, bản năng hi sinh của một người mẹ.

+ Cũng có lúc vợ chồng con cái sống hòa thuận, vui vẻ => cuộc sống với ngưòi đàn ông “dã man” kia không phải không có những khoảnh khắc đầm ấm hạnh phúc.

**🡺 Nhận xét:** Qua nội dung câu chuyện, cách kể và ngôn ngữ kể chuyện, thấy được:

- Số phận người đàn bà: đau khổ, bất hạnh, buộc phải bảo vệ, duy trì một cuộc sống bị

đày đoạ, đánh đập.

- Tính cách: yêu thương con, vị tha, nhân hậu, am hiểu lẽ sống giản đơn của một người đàn bà hàng chài.

- Sự lí giải, làm sáng tỏ hiện thực đời sống đầy nghịch lí mà Phùng và Đẩu “không thể hiểu được”.

**7. Một số nhân vật khác:**

***-*** *Chánh án**Đẩu:*

+ Là người đại diện cho công lý, luật pháp; có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lý.

+ Nhưng Đẩu mới nhìn cuộc đời của người đàn bà vùng biển ở một phía, anh chưa thực sự đi sâu vào đời sống nhân dân.

*- Nhân vật người chồng của người đàn bà hàng chài*

+ Vốn là một “anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm”

+ Một gã đàn ông vũ phu, tàn nhẫn, ích kỉ.

+ Một nạn nhân của hoàn cảnh sống khắc nghiệt.

*- Thằng bé Phác*

+ Một cậu bé giàu tình cảm yêu thương đối với mẹ.

+ Nhưng cũng giống như Đẩu, Phùng, nó mới chỉ nhìn thấy ở cha nó ở khía cạnh độc ác, tàn nhẫn mà chưa hiểu được “lẽ đời” bên trong.

+ Hình ảnh tiêu biểu của những đứa trẻ trong những gia đình có nạn bạo hành.

**8. Tấm ảnh trong “bộ lịch năm ấy”.**

- Mỗi lần nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ thấy *“hiện lên cái màu hồng hồng* *của ánh sương mai”* (đólà chất thơ, vẻđẹp lãng mạn của cuộcđời, cũng là biểu tượng củanghệ thuật). Và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy *“người* *đàn bà* *ấy* *đang bước ra* *khỏi tấm ảnh”* (đólà hiện thân của những lam lũ, khốn khó, là sựthật cuộcđời).

- Ý nghĩa: Nghệ thuật chân chính không thể tách rời, thoát li cuộc sống. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

**9. Một số đặc sắc về nghệ thuật.**

- Xây dựng hình ảnh giàu giá trị biểu tượng: chiếc thuyền ngoài xa.

+ Con thuyền có thật.

+ Con thuyền biểu tượng cho: nghệ thuật, ẩn dụ cho kiếp người đơn độc trên đại dương cuộc đời.

- Điểm nhìn trần thuật: người kể chuyện Phùng - một người lính dày dặn kinh nghiệm chiến trường, một nghệ sĩ nhiếp ảnh tài hoa, một con người tha thiết đấu tranh cho sự công bằng => điểm nhìn trần thuật sắc sảo, giàu suy tư.

- Ngôn ngữ:

+ Ngôn ngữ người kể chuyện: khách quan, chân thực, giàu sức thuyết phục (do sự lựa chọn điểm nhìn trần thuật).

+ Ngôn ngữ nhân vật: cá thể hoá (Ngôn ngữ của người đàn bà: lóng ngóng, van lơn khi mới đối diện với “quí toà”; chững chạc, thấu trải khi tự kể câu chuyện đời mình, dịu dàng, xa xót khi nói với con; lời lẽ của người đàn ông: tàn nhẫn, tục tằn,…)

**10. Chủ đề**

Qua tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện sự cảm thông sâu sắc đối với những cảnh đời, những thân phận trớ trêu, gặp nhiều bất hạnh trong cuộc sống đồng thời gửi gắm những chiêm nghiệm sâu sắc của mình về nghệ thuật: nghệ thuật chân chính phải luôn luôn gắn bó với cuộc đời và vì cuộc đời; người nghệ sĩ không thể nhìn đời một cách giản đơn, cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện, nhiều chiều.

**BÀI 6: SỐ PHẬN CON NGƯỜI (trích) – M. SÔ-LÔ-KHỐP:**

**1. Tác giả - hoàn cảnh ra đời – xuất xứ: xem lại SGK**

**2. Tóm tắt đoạn trích**

Tác phẩm kể về cuộc đời của người lính Hồng quân tên là Xô-cô- lôp. Trước chiến tranh anh có một gia đình hạnh phúc, một vợ và ba con. Chiến tranh bùng nổ, Xô- cô- lôp ra mặt trận, rồi bị thương. Sau đó anh bị bọn pháp xít bắt làm tù binh và bị tra tấn dã man. Cuối cùng anh trốn thoát trở về đơn vị. Anh được tin vợ anh và hai con gái bị máy bay phát xít Đức giết hại. Anh chỉ còn một niềm hy vọng duy nhất là đứa con trai hiện đang là đại uý pháo binh. Khi chiến tranh gần kết thúc, Xô-cô-lốp cùng Hồng quân tiến vào Beclin, anh hy vọng sẽ gặp con trai. Nhưng nghiệt ngã thay, con trai anh đã hy sinh đúng vào ngày chiến thắng. Chiến tranh kết thúc, anh giải ngũ đến quê hương của một người bạn sinh sống và làm nghề lái xe tải. Tại đây anh gặp bé Va-ni- a, một chú bé cả cha lẫn mẹ đều chết trong chiến tranh. Anh nhận bé làm con nuôi, trái tim anh đã ấm lại phần nào. Trong đời thường anh gặp phải rủi ro và bị tước bằng lái xe. Nỗi đau mất mát trong chiến tranh vẫn luôn ám ảnh anh. Hai cha con anh, phải thay đổi chỗ ở, đến Ka-sa-rư để tìm cuộc sống mới. Anh luôn giấu mọi nỗi đau để đem lại niềm vui cho Vania.

**3. Chiến tranh và thân phận con người:**

**a. Người lính Xô-cô-lốp với những đau đớn về thể xác và tinh thần dường như không thể nào vượt nổi:**

- Trong chiến tranh:

+ Bản thân bị thương, bị bắt làm tù binh.

+ Vợ, con gái và người con trai – niềm hi vọng cuối cùng của Xô-cô-lôp bị chết dưới bom đạn của phát xít.

- Chiến tranh kết thúc:

+ Anh không trở về quê hương vì anh đâu còn người thân thích

+ Anh đến nhà một người bạn ở U-riu-pin-xcơ nương thân

+ Anh làm lái xe cho một đội vận tải

+ Tìm sự bình yên sau mỗi chuyến xe bằng những ly rượu lử người dù biết nó rất nguy hại

🡺 Hoàn cảnh của Xô-cô-lốp bắt buộc anh phải đối mặt và phải duy trì sự sống, chấp nhận mọi thách thức để sống, cần phải có ý chí và nghị lực để vượt qua thử thách khắc nghiệt của cuộc sống.

**b. Bé Va-ni-a, một nạn nhân khác của chiến tranh:**

**-** Chiến tranh đã cướp đi của em tẩt cả:

+ Cha chết trận

+ Mẹ chết bom

+ Không biết quê hương

+ Không người thân thích

+ Cuộc sống lang thang, vất vưởng, bẩn như ma lem, đầu tóc rối bù, ai cho gì ăn nấy, bạ đâu ngủ đó.

+ Con chim non nớt đã học cách thở dài của người lớn

**4. Nghị lực vượt qua số phận:**

- Xô- cô- lốp đã không để cuộc đời của mình và bé Va-ni-a chìm nghỉm. Anh nhận bé Va-ni-a làm con nuôi và gọi con bằng một cái tên rất đỗi thân thương: Va- niu-ska.

- Trái tim tưởng chừng như hoá đá của Xô-cô-lốp đã ngân rung trở lại.

+ Xô-cô-lốp rất hạnh phúc khi quyết định cưu mang bé Va-ni-a: anh run lên vì hạnh phúc, anh sung sướng trong tình cảm cha con, chăm lo cho bé va-ni-a từng cái ăn, cái mặc đến giấc ngủ. Lần đầu tiên sau một thời gian khá dài anh thấy mình ngủ ngon, trái tim đã suy kiệt, đã bị chai sạn vì đau khổ nay trở nên êm dịu hơn

+ Còn bé Va-ni-a cậu bé như con chim chích ríu rít, líu lo, vui với niềm vui của người cha mà chú bé luôn nghĩ là cha đẻ: “Bố yêu của con ơi!..con chờ mãi mới được gặp bố… Nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió”

- Trong niềm vui hạnh phúc khi có bé Va-ni-a, Xô- cô- lốp lại phải đối mặt với những khó khăn của cuộc sống thường nhật. Ngay cả bữa ăn cũng không thể qua quýt được: phải mua sữa, phải luộc trứng, phải có đồ ăn nóng… mà công việc của Xô-cô-lốp lại cần gấp. Anh quyết định để bé Va-ni-a ở nhà và cậu bé khóc suốt từ sáng đến tối. Những câu hỏi về chiếc áo bành tô da của cha đẻ Va-ni-a làm nhói lại ở Xô-cô-lốp nỗi đau về quá khứ của bé.

- Trong niềm vui hạnh phúc khi có bé Va-ni-a, Xô- cô- lốp vẫn có nỗi khổ tâm riêng: hầu như đêm nào cũng chiêm bao thấy người thân quá cố, và lúc nào cũng thế, tôi ở bên này sau hang rào dây thép gai, còn vợ con thì tư do bên kia và rồi khi tỉnh giấc, gối đẫm nước mắt. Xô- cô- lốp đã nén nỗi đau riêng để đem lại niềm vui trọn vẹn cho bé Vanina.

🡺 đề cao chủ nghĩa nhân đạo cao cả của người lính và người dân Xô Viết thời hậu chiến: long nhân hậu, vị tha, sự gắn kết giữa những cảnh đời bất hạnh và niềm hy vọng vào tương lai.

**5. Ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối tác phẩm**

- Lên án chiến tranh phi nghĩa và sức mạnh phũ phàng của nó.

- Sự khâm phục và tin tưởng của nhà văn trước tính cách Nga kiên cường và nhân hậu

- Sô- lô- khốp thông báo trước muôn vàn khó khăn và trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai và hạnh phúc. Ông tin tưởng rằng: Con người vượt qua bất hạnh bằng tình yêu thương và lòng nhân ái. Tác giả tin tưởng vào tương lai của nước Nga qua thế hệ của bé Va-ni-a.

- Xác nhận thêm quan điểm nghệ thuật của Sô-lô-khốp: nghệ sĩ không thể lạnh lùng khi sáng tạo. Trước số phận trớ trêu, bi thảm của con người, nhà văn cũng bất giác để lộ sự đồng cảm và nhân hậu của mình.

- Xã hội cần quan tâm hơn tới số phận của những người “đã chiến đấu vì tổ quốc”

**6. Nghệ thuật**

- Nghệ thuật kể chuyện: kết hợp giữa hình tượng nhân vật kể chuyện với người kể chuyện là tác giả.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc họa tính cách, miêu tả tâm lý.

- Những lời trữ tình ngoại đề của người dẫn chuyện ở phần cuối tác phẩm gây xúc động lớn cho người đọc

**7. Chủ đề tư tưởng, nhan đề:**

*- Số phận con người* tập trung khám phá nỗi bất hạnh của con người sau chiến tranh. Tuyviết về những đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra nhưng tác giả vẫn giữ vững niềm tin ở tính cách Nga kiên cường, nhân hậu.

*-* Nhan đề của truyện: Số phận con người, gợi lên ý niệm về số phận con người, khi đặt nhân vật hoàn cảnh bất đắc dĩ, hoàn cảnh bất thường, đòi hỏi con người phải tự vươn lên hoàn cảnh. Hai con người, hai số phận, Xô-cô- lốp và bé Va-ni-a đều là nạn nhân của chiến tranh họ gắn kết với nhau bằng quan hệ cha-con, thì cả hai lại trở thành chung một số phận. Tính chất số phận xuất hiện như là một cách thức khái quát triết lí bao hàm mọi số phận của những người khác. Điều đặc biệt ở đây là khi hai con người đều bị bão tố chiến tranh thổi bạt một cách phũ phàng gặp nhau để tạo thành một số phận mới thì số phận ở đây không phải là một định mệnh thần kì mà số phận do chính con người tạo nên. Cũng như vậy, hạnh phúc của con người là do chính con người làm nên.

**BÀI 7: KỊCH HỒN TRƯƠNG BA DA HÀNG THỊT (trích) – LƯU QUANG VŨ:**

**1. Tác giả - hoàn cảnh ra đời – xuất xứ: xem lại SGK**

**2. Tóm tắt** **đoạn trích:**

+ Cảm thấy không thể sống như thế này mãi, hồn Trương Ba muốn thoát ra khỏi thân xác anh hàng thịt thô lỗ, phàm tục.

+ Cuộc đối thoại giữa hồn và xác. Hồn Trương Ba đành bần thần nhập lại thân xác anh hàng thịt.

+ Những người thân trong gia đình (vợ, cháu gái, con dâu) đều thấy Trương Ba đã khác xưa, đã lệch lạc nhiều lắm. Đau đớn cực độ, Trương Ba lập cập đến bên cột nhà, đốt hương để gặp Đế Thích.

+ Đế Thích thuyết phục Trương Ba chấp nhận cuộc sống hiện tại hoặc nhập vào thân xác cu Tị để bảo toàn sự sống. Trương Ba suy nghĩ, cân nhắc và đưa ra quyết định dứt khoát: chấm dứt sự hiện diện của một tồn tại trớ trêu có tên gọi là "hồn Trương Ba, da hàng thịt".

+ Hồn Trương Ba vẫn còn mãi giữa màu xanh cây vườn, trong những điều tốt lành của cuộc đời và trong kí ức yêu thương của những người thân.

**3. Nội dung**

**a. *Cuộc đối thoại giữa hồn Tr*ƣ*ơng Ba và xác anh hàng thịt:***

- Do sự vô tâm và tắc trách của Nam Tào, Trương Ba phải chết một cách vô lí, Nam Tào sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba sống nhờ thể xác anh hàng thịt.

- Linh hồn nhân hậu, trong sạch, bản tính thẳng thắn của Trương Ba dần dần bị xác thịt thô phàm anh hàng thịt sai khiến, bị nhiễm độc.

- Ý thức được điều đó, linh hồn Trương Ba dằn vặt, đau khổ: *"Không. Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi!”*

- Hồn Trương Ba quyết định chống lại bằng cách tách khỏi xác để tồn tại độc lập, không còn bị lệ thuộc.

- Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế đuối lí, bất lợi:

+ Vừa tách khỏi xác, hồn tức giận buông lời chửi mắng thậm tệ rằng xác thịt hèn hạ, rằng xác là “*âm u đui mù”.*

+ Xác đã đưa ra những bằng chứng mà hồn cũng phải thừa nhận. Đó là việc hồn xao xuyến khi đứng cạnh vợ anh hàng thịt ; là cảm giác *"xao xuyến"* trước những món ăn mà trước đây hồn cho là *"phàm" ;* đó là cái lần ông tát thằng con *"tóe máu mồm máu mũi",…*

+ Hồn cố gắng biện minh *"Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,…".*

+ Xác biết rõ những cố gắng của Trương Ba là vô ích nên đã cười nhạo cái lí lẽ mà hồn đưa ra để ngụy biện. Không những thế, xác còn lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc hồn Trương Ba và tuyên bố sức mạnh âm u, đui mù ghê gớm của mình.

+ Sau đó, hồn ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình nên chỉ nói những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.

+ Xác còn ve vãn hồn thoả hiệp vì: *“chẳng còn cách nào khác đâu”, “cả hai đã hoà nhau làm một rồi”*

+ Cuối cùng, hồn đành phải nhập trở lại vào xác trong sự tuyệt vọng.

**\* Ý nghĩa của đoạn đối thoại:**

- Trương Ba được trả lại cuộc sống nhưng lại là một cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hoá.

- Tác giả cảnh báo: khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu sẽ bị dung tục ngự trị, lấn át và sẽ tàn phá những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý trong con người.

→ Cần phải đấu tranh để loại bỏ sự dung tục, giả tạo để cuộc sống mãi tươi sáng, đẹp đẽ.

***b. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân:***

Vợ Trương Ba:

+ Buồn bã, đau khổ vì nhận ra những thay đổi của chồng *"ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".*

+ Đòi bỏ đi, nhường Trương Ba cho vợ anh hàng thịt.

Cháu gái Trƣơng Ba: phản ứng quyết liệt và dữ dội

+ Nó khước từ tình thân: “*tôi không phải là cháu ông… Ông nội tôi chết rồi”*.

+ Nó không thể chấp nhận con người đã làm "*gãy tiệt cái chồi non", "giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm"* trong mảnh vườn của ông nội nó.

+ Nó hận vì ông đã làm gãy nát cái diều khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bắt đền.

+ Với nó, "*Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy".* Nó xua đuổi quyết liệt: *"Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!"*

Con dâu Trương Ba:

+ Thấu hiểu cho hoàn cảnh trớ trêu của bố chồng: Chị biết ông *"khổ hơn xưa nhiều lắm".*

+ Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình khiến chị không thể chịu được: *"Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng … mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần…"*

→ Người chồng, người cha, người ông vốn nhân hậu, hiền lành, cao quý của họ bây giờ đã trở thành một người khác, với những thói hư tật xấu của một tên đồ tể thô lỗ, phàm tục.

***Tâm trạng, cảm xúc của Trương Ba:***

+ Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang.

+ Ông thẫn thờ, ôm đầu bế tắc, nhận thấy: *"Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ…”*

+ Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: *“Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có thật không còn cách nào khác?”*

+ Khẳng định dứt khoát: *“Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!".*

→Trương Ba cũng nhận thấy những thay đổi của mình nên đấu tranh quyết liệt để giành lại bản thân mình, dẫn tới hành động châm hương gọi Đế Thích

***c. Cuộc trò chuyện giữa hồn Trương Ba với Đế Thích:***

- Gặp lại Đế Thích, Trương Ba kiên quyết từ chối, không chấp nhận cảnh phải sống *“bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn…”*

- Lúc đầu, Đế Thích ngạc nhiên, nhưng khi hiểu ra thì khuyên Trương Ba nên chấp nhận vì thế giới vốn không tròn vẹn: *“dưới đất, trên trời đều như thế cả”*

- Nhưng Trương Ba không chấp nhận lẽ đó, thẳng thắn chỉ ra sai lầm của Đế Thích: *“Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!”*

- Đế Thích định tiếp tục sửa sai bằng giải pháp ít tệ hại hơn là cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị.

- Nhưng Trương Ba kiên quyết chối từ, không chấp nhận cảnh sống giả tạo, cuộc sống mà

*“khổ hơn là cái chết”*, chỉ có lợi cho đám chức sắc.

- Trương Ba kêu gọi Đế Thích hãy sửa sai bằng một việc làm đúng, đó là cho cu Tị được sống lại, còn mình được chết hẳn chứ không nhập hồn vào thân thể ai nữa. Đế Thích cuối cùng thuận theo lời đề nghị của Trương Ba.

***Sự khác nhau trong quan niệm về sự sống giữa Trương Ba và Đế Thích:***

+ Đế Thích có cái nhìn khá quan liêu, hời hợt.

+ Trương Ba cần cuộc sống có ý nghĩa, phải đúng là mình, hoà hợp toàn vẹn giữa linh hồn và thể xác.

→ Vẻ đẹp tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục để bảo vệ quyền được sống toàn vẹn.

***Ý nghĩa triết lí*:**

+ Con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi.

+ Sống thực sự cho ra con người không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ, sống chắp vá, không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa, sẽ gây tai họa cho nhiều người tốt, tạo cơ hội cho kẻ xấu sách nhiễu.

🡪Cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích trở thành nơi tác giả gửi gắm những quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống và cái chết. Những lời thoại của Trương Ba với Đế Thích đã khẳng định quyết tâm tự giải thoát của Trương Ba.

***d. Kết thúc vở kịch:***

- Trương Ba chấp nhận cái chết, hóa thân vào các sự vật thân thương, tồn tại vĩnh viễn bên cạnh những người thân yêu của mình. Quyết định ấy đã làm sáng bừng nhân cách cao đẹp của Trương Ba.

→ Màn kết là chất thơ sâu lắng, là khúc ca trữ tình giàu tính lạc quan ca ngợi sự sống, tràn đầy giá trị nhân văn mà con người luôn phải vươn tới và gìn giữ, là thông điệp của sự chiến thắng của Cái Thiện, Cái Đẹp, của Sự sống đích thực.

**4. Nghệ thuật:**

- Sáng tạo lại cốt truyện dân gian.

- Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm.

- Hành động của n/v phù hợp với hoàn cảnh, tính cách góp phần phát triển tình huống truyện.

**5. Ý nghĩa văn bản**

Một trong những điều đáng quí nhất của con người là được sống là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình có và đeo đuổi. Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống trong sự hài hoà tự nhiên giữa thể xác và tâm hồn.

**PHẦN D: ĐỀ MINH HỌA CỦA BỘ**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  ĐỀ MINH HỌA | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II - NĂM HỌC 2021 - 2022**  **Môn: Ngữ văn, lớp 12**  *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

*(1) Ngoài những buổi tập và thi đấu, Ronaldo chăm chút đến từng sợi cơ, từng calo thực phẩm anh ăn vào mỗi bữa. Anh là một nhà dinh dưỡng chuyên nghiệp cho mình. Hơn hết thảy, anh là người quản lí bản thân một cách kỉ luật. Kỉ luật đến từng phút ở bể bơi, từng giây ở phòng tập gym.*

*(2) Lan man câu chuyện Ronaldovà bóng đá, nhưng rốt cuộc điều chúng ta thấy là gì? Ta thấy nếu hàng ngày ta đi với những bước chân nửa vời, đừng oán hận cuộc đời không cho ta cái ta muốn. Ta đáng bị như thế. Ta thấy nếu hàng ngày ta viết, ta nói những câu nói ấm ớ chỉ mang “tính giải trí” cho không gian mạng, đừng trách đám đông bỏ đi hay chê cười. Nếu ta không nghiêm túc với từng chi tiết, từng thớ cơ nhỏ nhất trong công việc ta làm hằng ngày, đừng mong ta có được cái mà người chuyên nghiệp mới có được. Ta có thể bước vào “xế chiều” ngay khi ta mười tám tuổi, không đợi ngày tháng dày thêm.*

(Hà Nhân, *báo Hoa học trò,* số 1302, 2019)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

**Câu 2.**Theo đoạn trích, ngoài những buổi tập và thi đấu, Ronaldo thường làm những việc gì cho sức khỏe bản thân?

**Câu 3.**Anh/chị hiểu như thế nào về cụm từ *“những bước chân nửa vời*” trong đoạn trích?

**Câu 4*.*** Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1 *(2.0 điểm)***

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự nghiêm túc trong học tập và rèn luyện.

***Câu 2 (5.0 điểm)***

Cảm nhận của anh/chị về diễn biến tâm lí của nhân vật Mị qua hai đoạn văn sau:

*“Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.”.*

(Tô Hoài – ***Ngữ văn 12***, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr.6)

*“Đã từ nãy Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa.”*

(Tô Hoài – ***Ngữ văn 12***, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, và tr. 7)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  ĐỀ MINH HỌA | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021**  **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **Môn: Ngữ văn, lớp 12**  *Đáp án và hướng dẫn chấm gồm ….. trang* |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | |
| **I** | **ĐỌC HIỂU 3.0** | | | | | |
|  | **1** | Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời đúng: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm* | 0.75 | | |
| **2** | Ngoài những buổi tập và thi đấu, Ronaldo thường làm:  *- Chăm chút đến từng sợi cơ, từng calo thực phẩm anh ăn vào mỗi bữa;*  *- Kỉ luật đến từng phút ở bể bơi, từng giây ở phòng tập gym.*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời đúng và đủ như đáp án: 0,75 điểm;*  *- Học sinh trả lời 01 trong 02 ý: “ý 1- Chăm chút đến từng sợi cơ, từng calo thực phẩm anh ăn vào mỗi bữa” hoặc “ý 2: Kỉ luật đến từng phút ở bể bơi, từng giây ở phòng tập gym”: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm* | 0.75 | | |
| **3** | Cụm từ “*những bước chân nửa vời*” được hiểu là: Lối làm việc, học tập, sinh hoạt... không đến nơi, đến chốn; thiếu trách nhiệm, thiếu đam mê.  ***Hướng dẫn chấm***:  *- Học sinh trả lời đủ 2 ý: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm* | 1.0 | | |
| **4** | - Học sinh rút ra được một thông điệp từ đoạn trích, có thể tham khảo gợi ý sau:  + Cần nghiêm túc trong từng việc mình làm  + Cần xây dựng tính kỉ luật cho bản thân  + Không nên làm việc nửa vời.  +….  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Rút ra được thông điệp hợp lí, đúng đắn: 0.5 điểm.*  *­- Thông điệp còn chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm.*  *- Không trả lời hoặc trả lời không đúng với yêu cầu: 0 điểm* | 0.5 | | |
| **II** | **LÀM VĂN** | | | **7.0** | | |
|  | **1** | **Từ nội dung phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự nghiêm túc trong học tập và rèn luyện.** | **2.0** | | |
| *a. Đảm bảo yêu cầu về cấu trúc đoạn văn nghị luận*  Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành. | 0.25 | | |
| *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* ý nghĩa của sự nghiêm túc trong công việc hàng ngày  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.*  - *Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0 điểm* | 0.25 | | |
| *c. Triển khai nội dung đoạn văn****:*** Học sinh sử dụng kết hợp thông tin có sẵn trong ngữ liệu với chính kiến và trải nghiệm riêng của bản thân để nghị luận. Bài làm của học sinh có thể triển khai trên những gợi ý sau:  - Nghiêm túc tạo thói quen tốt, ý thức kỉ luật cao;  - Nâng cao kết quả học tập và rèn luyện nhân cách, rút ngắn con đường đến thành công;  - Tạo được niềm tin, sự tôn trọng từ người khác, từ cộng đồng.  ….  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm)*  *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm)*  *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận; không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).*  *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng* *phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 0.75 | | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.25 | | |
| *e. Sáng tạo:* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm***  *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0.5 | | |
| **LÀM VĂN** | **2** | Cảm nhận của anh/chị về diễn biến tâm lí của nhân vật Mị qua hai đoạn văn | | **5,0** |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* | | 0,25 |
|  |  | Mở bài nêu được vấn đề gắn với phạm vi tư liệu, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | |  |
|  |  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận* | | 0,5 |
|  |  | Sự thay đổi về tâm lí của nhân vật Mị, giá trị nhân đạo của tác phẩm qua sự thay đổi ấy.  **Hướng dẫn chấm:**  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | |  |
|  |  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | |  |
|  |  | \* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đối tượng nghị luận (0,25 điểm) | | 0,5 |
|  |  |  | |  |
|  |  | **\* Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh của nhân vật Mị**  Mị là cô gái xinh đẹp, tài hoa, được nhiều người yêu thương nhưng bị bắt làm con dâu nhà thống lí Pá Tra vì món nợ của cha mẹ ngày trước.  **\* Phân tích tâm lí nhân vật Mị:**  **- Tâm lí của nhân vật Mị trong đoạn trích thứ nhất:** Sư buông xuôi, phó mặc, sống vô cảm  + Đời làm dâu của Mị bị trói buộc bởi cường quyền, thần quyền.  + Cuộc sống cực nhục ở nhà thống lí đã dìm mất lòng ham sống của Mị. Mị chấp nhận, cam chịu kiếp sống chẳng khác gì con vật.  + Sau khi bố mất, chữ Hiếu ràng buộc đời Mị không còn nhưng Mị không tưởng đến chuyện ăn lá ngón tự tử bởi với Mị bây giờ, sống hay chết cũng không còn quan trọng nữa.  **- Tâm lí của nhân vật Mị trong đoạn trích thứ hai:** Niềm khao khát sống, khao khát hạnh phúc được hồi sinh:  + Không khí đêm xuân đặc biệt là tiếng sáo đã khiến Mị cảm nhận sự tươi vui và sức trẻ trong mình.  + Mị muốn thay đổi (muốn đi chơi như bao người phụ nữ có chồng khác), không muốn bó mình trong cuộc sống tù ngục nhà thống lí.  + Mị muốn chết nghĩa là Mị ý thức sâu sắc về tình cảnh khổ nhục hiện tại, Mị khao khát một cuộc sống tốt đẹp hơn. Như thế, muốn chết lại là biểu hiện của lòng ham sống, một cuộc sống đích thực, đúng nghĩa chứ không phải là kiếp ngựa trâu hay sự tồn tại về thể xác.  - Sự thay đổi trong tâm lí nhân vật: Hai đoạn trích đã cho thấy sự chuyển biến tâm lí theo hướng tích cực của nhân vật Mị: Từ chỗ buông xuôi, phó mặc, không tha thiết gì cuộc sống, Mị đã ý thức sâu sắc về tình cảnh đau khổ hiện tại, Mị khao khát được sống trong tình yêu, hạnh phúc, tự do.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.*  *- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm – 2,25 điểm.*  *- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm – 1,5 điểm.*  *- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm – 0,75 điểm* | | 2,5 |
|  |  | **\* Đánh giá chung:**  - Về nội dung: Sự thay đổi tâm lí thể hiện sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của nhân vật Mị; góp phần tô đậm giá trị nhân đạo của tác phẩm.  - Về nghệ thuật: Ngòi bút miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế và sâu sắc; nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa lời kể của nhà văn với lời độc thoại nội tâm của nhân vật.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | | 0,5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | | 0,25 |
|  |  |  | |  |
|  |  | *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  **Hướng dẫn chấm:** *Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Tô Hoài; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | | 0,5 |
|  | **Tổng cộng** | | |  |
|  | 10,0 |